

Số: 495 /BVĐKĐG-VTTB
V/v: Mời chào giá vật tư y tế

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm vật tư tiêu hao, hóa chất năm 2024;

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau :

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá: Đ/c Nguyễn Thị Phương Nhung – Phòng Vật tư thiết bị - ĐT : 038.692.2866 hoặc số 024 38711751 để được hỗ trợ
- Báo giá (Theo mẫu phụ lục II đính kèm)

Được tiếp nhận theo các hình thức sau :

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.(ĐT : 0936.890.489)
- Nhận qua Email : bvdkdg@hanoi.gov.vn, vttbytducgiang@gmail.com.

(Lưu ý : các đơn vị gửi cùng vào 2 mail trên cho Bệnh viện)

- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 08 tháng 4 năm 2024 đến trước 17h ngày 19 tháng 4 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2024).


II. Nội dung yêu cầu báo giá :

- Danh mục vật tư y tế (Kèm theo phụ lục I).
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư y tế, Bệnh viện đa khoa Đức Giang, số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2024.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, thanh toán theo từng đợt, sau khi thực hiện hợp đồng và đầy đủ hồ sơ hợp lệ.



Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB.

GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Văn Thường

DANH MỤC CHI TIẾT KÈM THEO

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số, quy cách	ĐVT	Số lượng
I	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy Cobas c702			
1	Chất hiệu chuẩn ISE mức cao	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Natri, Kali, Clo mức cao Thành phần 160mmol/L Na ⁺ , 7 mmol/L K ⁺ , 120 mmol/L Cl Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp ≥ 10 x 3 mL	Hộp	8
2	Chất hiệu chuẩn ISE mức thấp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Natri, Kali, Clo mức thấp Thành phần 120mmol/L Na ⁺ , 3 mmol/L K ⁺ , 80 mmol/L Cl Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp ≥ 10 x 3mL	Hộp	6
3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Lipid	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm xét nghiệm Lipid. Thành phần:Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học. Thành phần không phản ứng: Chất bảo quản và chất ổn định.Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.Hộp ≥ 3 x 1 mL	Hộp	2
4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa chung	Chất hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa. Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Hộp ≥ 12 x 3 mL	Hộp	2
5	Chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức 1	Chất kiểm tra độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm sinh hóa mức 1. Thành phần:Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định.Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Hộp ≥ 4 x 5 ml	Hộp	2
6	Chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức 2	Chất kiểm tra độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm sinh hóa mức 2. Thành phần:Thành phần phản ứng trong chất đông khô: Huyết thanh người với phụ gia hóa học và nguyên liệu có nguồn gốc sinh học như đã chỉ định.Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.Hộp ≥ 4 x 5 ml	Hộp	2
7	Chất pha loãng mẫu mô đun ISE	Chất phụ trợ dùng để pha loãng mẫu Thành phần Đệm HEPES: 10 mmol/L Triethanolamine: 7 mmol/L Chất bảo quản Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp ≥ 2 x 2 L	Hộp	8
8	Chất phụ gia ECO-D	Chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt. Thành phần: chất tẩy.Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.Hộp ≥ 96 mL	Hộp	30
9	Điện cực Cl	Điện cực Cl Hộp 1 cái	Cái	4
10	Điện cực Kali	Điện cực Kali. Hộp 1 cái	Cái	4
11	Điện cực Natri	Điện cực Natri Hộp 1 cái	Cái	4
12	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu Hộp 1 cái	Cái	4
13	Dung dịch bảo dưỡng điện cực	Dung dịch bảo dưỡng điện cực Thành phần Huyết thanh người đông khô không có phụ gia hóa học. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp ≥ 9 x 12 ml	Hộp	1

14	Dung dịch kiểm soát điện thế điện cực	Dung dịch kiểm soát điện thế điện cực, dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Natri, Kali, Clo Thành phần Đệm HEPES: 10 mmol/L, Triethanolamine: 7 mmol/L, Natri chloride: 3.06 mmol/L, Natri acetate: 1.45 mmol/L, Kali chloride: 0.16 mmol/L, Chất bảo quản Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp $\geq 2 \times 2000$ mL	Hộp	8
15	Dung dịch làm sạch điện cực	Dung dịch vệ sinh điện cực để làm sạch điện cực chọn lọc ion, bùong trợn và hệ thống ống trong quá trình bảo dưỡng ISE Thành phần Natri hypochlorite (NaOCl): khoảng 1.2 % Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp $\geq 21 \times 6$ ml	Hộp	1
16	Dung dịch pha loãng NaCl	Dung dịch pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử Thành phần NaCl 9 % Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp ≥ 119 mL	Hộp	8
17	Dung dịch quy chiếu	Dung dịch quy chiếu, cung cấp điện thế tham chiếu cho xét nghiệm định lượng Natri, Kali, Clo Thành phần 1 mol/L kali chloride Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp ≥ 500 mL	Hộp	8
18	Dung dịch rửa kim hút mẫu 1	Dung dịch rửa kim hút mẫu. Thành phần: Dung dịch natri hydroxide 1 mol/L. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Hộp $\geq 12 \times 20$ mL	Hộp	3
19	Dung dịch rửa kim hút mẫu 2	Dung dịch rửa kim hút mẫu. Thành phần: Đệm; chất tẩy. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Hộp $\geq 12 \times 20$ mL	Hộp	3
20	Dung dịch rửa NaOH/D	Dung dịch rửa kim hút và công phản ứng. Thành phần NaOH 1 mol/L (khoảng 4 %); chất tẩy. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp ≥ 102 mL	Hộp	30
21	Dung dịch rửa SMS	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và công phản ứng Thành phần: HCl 200 mmol/L Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp ≥ 119 mL	Hộp	3
22	Dung dịch rửa tính acid	Dung dịch rửa tính acid cho công phản ứng. Thành phần: Acid citric monohydrate: 310 mmol/L; đệm; chất tẩy. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Hộp $\geq 2 \times 1.8$ L	Hộp	8
23	Dung dịch rửa tính kiềm	Dung dịch rửa tính kiềm cho công phản ứng. Thành phần: Dung dịch natri hydroxide 1 mol/L, 4 %; chất tẩy. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Hộp $\geq 2 \times 1.8$ L	Hộp	7
24	Dung dịch vệ sinh điện cực	Dung dịch vệ sinh điện cực Thành phần: Dung dịch natri hydroxide: 3 mol/L với dung dịch natri hypochlorite < 2 % Cl hoạt tính Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp $\geq 5 \times 100$ mL	Hộp	1

25	Hóa chất xét nghiệm ALT	<p>Hóa chất dùng để định lượng aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương người</p> <p>Thành phần</p> <p>R1 Đệm TRIS: 224 mmol/L, pH 7.3 (37 °C); L alanine: 1120 mmol/L; albumin (bò): 0.25 %; LDH (vi sinh): $\geq 45 \mu\text{kat/L}$; chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>R3 2 Oxoglutarate: 94 mmol/L; NADH: $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; chất phụ gia; chất bảo quản</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p> <p>Hộp ≥ 1100 test</p>	Hộp	5
26	Hóa chất xét nghiệm AST	<p>Hóa chất dùng để định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người</p> <p>Thành phần</p> <p>R1 Đệm TRIS: 264 mmol/L, pH 7.8 (37 °C); L aspartate: 792 mmol/L; MDH (vi sinh): $\geq 24 \mu\text{kat/L}$; LDH (vi sinh): $\geq 48 \mu\text{kat/L}$; albumin (bò): 0.25 %; chất bảo quản</p> <p>R3 (STAT R2) NADH: $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; 2 oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p> <p>Hộp ≥ 1100 test</p>	Hộp	5
27	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	<p>Hóa chất dùng để định lượng cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người</p> <p>Thành phần</p> <p>R1 Chất đệm ỔNG: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg^{2+}: 10 mmol/L; natricholate: 0.6 mmol/L; 4 aminoantipyrine: $\geq 0.45 \text{ mmol/L}$; phenol: $\geq 12.6 \text{ mmol/L}$; ete polyglycol rượu béo: 3%; cholesterol esterase (loại Pseudomonas): $\geq 25 \mu\text{kat/L}$ ($\geq 1.5 \text{ U/mL}$); cholesterol oxidase (E. coli): $\geq 7.5 \mu\text{kat/L}$ ($\geq 0.45 \text{ U/mL}$); peroxidase (củ cải): $\geq 12.5 \mu\text{kat/L}$ ($\geq 0.75 \text{ U/mL}$); chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p> <p>Hộp ≥ 2100 test</p>	Hộp	3
28	Hóa chất xét nghiệm Creatinin	<p>Hóa chất dùng để định lượng creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người</p> <p>Thành phần</p> <p>R1 Đệm TAPS (N Tris(hydroxymethyl)methyl 3 aminopropanesulfonic acid): 30 mmol/L, pH 8.1; creatinase (vi sinh): $\geq 332 \mu\text{kat/L}$; sarcosine oxidase (vi sinh): $\geq 132 \mu\text{kat/L}$; ascorbate oxidase (vi sinh): $\geq 33 \mu\text{kat/L}$; catalase (vi sinh): $\geq 1.67 \mu\text{kat/L}$; HTIB: 1.2 g/L; chất tẩy; chất bảo quản</p> <p>R3 Đệm TAPS: 50 mmol/L, pH 8.0; creatininase (vi sinh): $\geq 498 \mu\text{kat/L}$; peroxidase (củ cải): $\geq 16.6 \mu\text{kat/L}$; 4 aminophenazone: 0.5 g/L; kali hexacyanoferrate (II): 60 mg/L; chất tẩy; chất bảo quản</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p> <p>Hộp ≥ 600 test</p>	Hộp	10

29	Hóa chất xét nghiệm Glucose	<p>Hóa chất dùng để định lượng glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy người</p> <p>Thành phần</p> <p>R1 Dệm M/ES: 5.0 mmol/L, pH 6.0; Mg²⁺: 24 mmol/L; ATP: ≥ 4.5 mmol/L; NADP: ≥ 7.0 mmol/L; chất bảo quản</p> <p>R3 (STAT R2) Dệm HEPES: 200 mmol/L, pH 8.0; Mg²⁺: 4 mmol/L; HK (nấm men): ≥ 300 μkat/L; G 6 PDH (E.coli): ≥ 300 μkat/L; chất bảo quản</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p> <p>Hộp ≥ 2200 test</p>	Hộp	6
30	Hóa chất xét nghiệm HDL	<p>Hóa chất dùng để định lượng nồng độ HDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1 Dệm TAPSOB): 62.1 mmol/L, pH 7.77; polyanion: 1.25 g/L; EMSE: 1.08 mmol/L; ascorbate oxidase (đưa chuột): ≥ 50 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 166.7 μkat/L; chất tẩy; BSA: 2.0 g/L; chất bảo quản. R3 Dệm Bis-Trisc): 20.1 mmol/L, pH 6.70; cholesterol esterase (vi sinh): ≥ 7.5 μkat/L; cholesterol oxidase (E. coli tái tổ hợp): ≥ 7.17 μkat/L; cholesterol oxidase (vi sinh): ≥ 76.7 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 333 μkat/L; 4-amino-antipyrine: 1.48 mmol/L; BSA: 3.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. Hộp ≥ 500 test</p>	Hộp	12
31	Hóa chất xét nghiệm LDL	<p>Hóa chất dùng để định lượng LDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần: R1 Dệm bis-tris(b): 20.1 mmol/L, pH 7.0; 4-aminoantipyrine: 0.98 mmol/L; ascorbate oxidase (AOD, Acremonium spec.): ≥ 66.7 μkat/L; peroxidase (tái tổ hợp từ Basidiomycetes): ≥ 166.7 μkat/L; BSA: 4.0 g/L; chất bảo quản. R3 Dệm MOPSc): 20.1 mmol/L, pH 7.0; EMSE: 2.16 mmol/L; cholesterol esterase (chủng Pseudomonas): ≥ 33.3 μkat/L; cholesterol oxidase (tái tổ hợp từ E. coli): ≥ 31.7 μkat/L; peroxidase (tái tổ hợp từ Basidiomycetes): ≥ 333.3 μkat/L; BSA: 4.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản. Hộp ≥ 500 test</p>	Hộp	12
32	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid	<p>Hóa chất dùng để định lượng triglyceride trong huyết thanh và huyết tương người</p> <p>Thành phần</p> <p>R1 Dệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg²⁺: 40 mmol/L; natri cholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4 aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4 chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (chủng Pseudomonas): ≥ 83 μkat/L; glycerol kinase (Bacillus stearothermophilus): ≥ 3 μkat/L; glycerol phosphate oxidase (E. coli): ≥ 41 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 1.6 μkat/L; chất bảo quản, chất ổn định</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, CE</p> <p>Hộp ≥ 800 test</p>	Hộp	6

33	Hóa chất xét nghiệm Ure	Hóa chất dùng để định lượng urea/urea nitrogen trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người Thành phần R1 NaCl 9 % R3 (STAT R2) Đệm TRIS: 220 mmol/L, pH 8.6; 2 oxoglutarate: 73 mmol/L; NADH: 2.5 mmol/L; ADP: 6.5 mmol/L; urease (đậu): $\geq 300 \mu\text{kat/L}$; GLDH (gan bò): $\geq 80 \mu\text{kat/L}$; chất bảo quản; chất ổn định không phản ứng Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE Hộp ≥ 1900 test	Hộp	4
34	Khay phản ứng	Khay phản ứng bằng nhựa Tiêu chuẩn ISO 13485, CE Hộp ≥ 56 khay	Hộp	1
II	Hóa chất dùng cho máy khí máu Rapidpoint			
35	Hóa chất chạy mẫu khí máu	Cartridge đo bao gồm các cảm biến, thuốc thử, và các thành phần chất lỏng cần thiết để phân tích mẫu bệnh phẩm và hiệu chuẩn trên hệ thống. Các cảm biến trong cartridge có khả năng đo lường các chỉ số pH, pO ₂ , pCO ₂ , hemoglobin toàn phần (tHb), oxyhemoglobin (FO2Hb), deoxyhemoglobin (HHb), methemoglobin (MetHb), carboxyhemoglobin (COHb), and neonatal bilirubin (nBili). Mỗi cartridge sử dụng ổn định trong 28 ngày khi được cài đặt trên hệ thống. Bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C. Hộp ≥ 400 test	Hộp	55
36	Hóa chất rửa thải toàn bộ	Hóa chất rửa thải có chứa thuốc rửa để làm sạch đường dẫn mẫu sau khi phân tích và hiệu chuẩn. Bao gồm 250 ml chất rửa với muối, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản trong nước khử ion. Mỗi cartridge rửa thải sử dụng ổn định trong 10 ngày sau khi được cài đặt trên hệ thống. Bảo quản ở nhiệt độ 2-25°C. 4 Bộ/Hộp	Hộp	36
37	Bơm khí máu	Bơm 1-2ml trắng sẵn Heparrin.	Cái	22.000
38	Hoá chất kiểm chuẩn mức 1	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho pH, khí máu, điện giải, Co-ox và các chất chuyển hóa. Bao gồm bộ đệm bicarbonate, Ca, Na, K, Cl, Carbon dioxide, oxygen, Nitro, glucose, lactate, thuốc nhuộm. Bảo quản ở nhiệt độ 18-25°C, tránh ánh nắng trực tiếp. 30 Lọ/Hộp	Hộp	1
39	Hoá chất kiểm chuẩn mức 2	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho pH, khí máu, điện giải, Co-ox và các chất chuyển hóa. Bao gồm bộ đệm bicarbonate, Ca, Na, K, Cl, Carbon dioxide, oxygen, Nitro, glucose, lactate, thuốc nhuộm. Bảo quản ở nhiệt độ 18-25°C, tránh ánh nắng trực tiếp. 30 Lọ/Hộp	Hộp	1
40	Hoá chất kiểm chuẩn mức 3	Hóa chất kiểm chuẩn mức 3 cho pH, khí máu, điện giải, Co-ox và các chất chuyển hóa. Bao gồm bộ đệm bicarbonate, Ca, Na, K, Cl, Carbon dioxide, oxygen, Nitro, glucose, lactate, thuốc nhuộm. Bảo quản ở nhiệt độ 18-25°C, tránh ánh nắng trực tiếp. 30 Lọ/Hộp	Hộp	1
III	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy đông máu ACL TOP			
41	Chất chuẩn dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu như Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ nhiệt độ 2-8 độ C với xét nghiệm Fibrinogen, ≥ 8 giờ nhiệt độ 2-8 độ C với các xét nghiệm yếu tố.	Hộp	4

		Hộp ≥ 10x1ml		
42	Chất chuẩn dùng để xét nghiệm định lượng Anti Xa	Hộp ≥ 9ml	Hộp	2
43	Chất kiểm chứng âm tính kháng đông Lupus	Chất kiểm chứng mức âm tính dùng cho xét nghiệm kháng đông Lupus (LA) trên máy phân tích đông máu. Hộp ≥ 10ml	Hộp	1
44	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng D-Dimer dài đo bình thường và dài đo bất thường; Dạng lỏng; Thời gian ổn định ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ, ≥ 24 giờ nhiệt độ 15 độ trên máy. Hộp ≥ (5x1ml+5x1ml)	Hộp	6
45	Chất kiểm chứng dương tính kháng đông Lupus	Chất kiểm chứng mức âm tính dùng cho xét nghiệm kháng đông Lupus (LA). Hộp ≥ 10ml	Hộp	1
46	Chất kiểm chứng mức bất thường thấp dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dài đo bất thường thấp. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT. Hộp ≥ 10x1ml	Hộp	20
47	Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho các xét nghiệm đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, TT, Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dài đo bình thường Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ với xét nghiệm PT, APTT, Fibrinogen, TT. Hộp ≥ 10x1ml	Hộp	20
48	Công phân ứng	Dạng nhựa rắn 4 công liên liền trên một thanh. Hộp: ≥ 2.400 cuvette	Hộp	72
49	Dung dịch dùng để làm sạch	Thành phần Acid clohydric 100 mmol/l. Dạng lỏng. Hộp ≥ 1x500ml	Hộp	75
50	Dung dịch dùng để rửa	Thành phần 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride (Methylisothiazolinone hydrochloride) < 0.005 %. Dạng lỏng. Bình ≥ 4000ml	Bình	330
51	Hóa chất dùng để định lượng Protein C	Hộp ≥ 18ml	Hộp	3
52	Hóa chất dùng để định lượng Protein S tự do	Hộp ≥ 30ml	Hộp	3
53	Hóa chất dùng để pha loãng chất chuẩn máy	Dạng lỏng. Hộp ≥ 1x100ml	Hộp	36
54	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Anti Xa	Hóa chất dùng để xác định hoạt độ heparin không phân đoạn hoặc Heparin trong lượng phân tử thấp, các chất ức chế trực tiếp yếu tố FXa như Rivaroxaban, Apixaban theo phương pháp so màu. Dạng lỏng; Thời gian ổn định hóa chất Factor Xa ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 7 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp ≥ (5x3ml+5x2.5ml)	Hộp	2
55	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Antithrombin	Hộp ≥ 10ml	Hộp	3
56	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục, loại trừ thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch (VTTE) Nguỡng ≥ 500 ng/ml, độ nhạy ≥ 99,9%, độ đặc hiệu ≥ 40%, độ tuyến tính ≥ 215 - 128000ng/ml (chế độ auto rerun). Hóa chất kèm theo chất đệm (hoặc chất pha loãng) và chất chuẩn. Dạng lỏng; Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp): hóa chất Latex ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 7 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp ≥ (3x4ml+3x6ml+2x1ml)	Hộp	100

57	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen, theo phương pháp Clauss	Dạng: bột khô. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 7 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 7 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp $\geq 10 \times 5 \text{ml}$	Hộp	40
58	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố II	Hộp $\geq 10 \text{ml}$	Hộp	3
59	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố IX	Hộp $\geq 10 \text{ml}$	Hộp	3
60	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố V	Hộp $\geq 10 \text{ml}$	Hộp	3
61	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố VII	Hộp $\geq 10 \text{ml}$	Hộp	3
62	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố VIII	Hộp $\geq 10 \text{ml}$	Hộp	3
63	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố X	Hộp $\geq 10 \text{ml}$	Hộp	3
64	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố XI	Hộp $\geq 10 \text{ml}$	Hộp	3
65	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố XII	Hộp $\geq 10 \text{ml}$	Hộp	3
66	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố XIII	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng yếu tố XIII, theo phương pháp miễn dịch latex. Hộp $\geq 27 \text{ml}$	Hộp	1
67	Hóa chất dùng để xét nghiệm kháng định phát hiện kháng đông Lupus (LA)	Hóa chất dùng để xác định kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp pha loãng nọc độc rắn. Dạng bột khô. Thời gian ổn định ≥ 15 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 3 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp $\geq 10 \times 2 \text{ml}$	Hộp	3
68	Hóa chất dùng để xét nghiệm sàng lọc phát hiện kháng đông Lupus (LA)	Hóa chất dùng để sàng lọc kháng đông Lupus (LA) theo phương pháp pha loãng nọc độc rắn. Dạng bột khô. Thời gian ổn định ≥ 15 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 3 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp $\geq 10 \times 2 \text{ml}$	Hộp	3
69	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian APTT	Đóng gói kèm theo Calcium Chloride. Dạng lỏng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 10 ngày nhiệt độ 15 độ C. Hộp $\geq (5 \times 10 \text{ml}) + 5 \times 10 \text{ml}$	Hộp	40
70	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian PT	Dạng bột khô và chất đệm pha loãng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 10 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C và ≥ 10 ngày ở 15 độ C. Hộp $\geq (5 \times 20 \text{ml}) + 5 \times 20 \text{ml}$	Hộp	60
71	Hóa chất dùng dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm	Hộp $\geq 80 \text{ml}$	Hộp	40
IV	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy huyết học UniCel DxH			
72	Chất chuẩn máy	Dùng để chỉnh hệ số trên hệ thống phân tích tế bào tự động được liệt kê trong bảng trong tờ insert, kết hợp với thuốc thử cụ thể. Thành phần: gồm hồng cầu người, thành phần có kích thước tiểu cầu được ổn định trong môi trường đang trưng hồng cầu cố định được thêm vào để mô phỏng bạch cầu. Hộp $\geq 1 \times 3.3 \text{ml}$	Hộp	3
73	Chất kiểm chuẩn	Sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học. Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đang trưng, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân. Hộp $\geq (4 \times 3.5 \text{ml Level I; } 4 \times 3.5 \text{ml Level II; } 4 \times 3.5 \text{ml Level III)}$	Hộp	18

74	Chất kiểm chuẩn máy dùng hiệu chỉnh thông số VCS	Sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động kết hợp các hóa chất phân tích để theo dõi giá trị phép đo các thông số về thể tích, độ dẫn, tán xạ. Thành phần: một dung dịch chứa các hạt nhựa polystyrene trong chất đệm chứa chất hoạt tính bề mặt. Lọ \geq 4ml	Lọ	1
75	Dung dịch ly giải	Chất ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và đo kích thước bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào huyết học. Thành phần: Quaternary Ammonium Salts 5-80 g/L, Sodium Sulfite 1-5 g/L, Chất ổn định, Chất đệm. Hộp \geq 5 lít	Hộp	31
76	Dung dịch pha loãng	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng dùng trong kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động. Thành phần: Sodium Sulfate 13.73 g/L, Sodium Chloride 1.04 g/L, Tetracaine HCL 0,02 g/L, Imidazole 2,85 g/L. Hộp: \geq 10 lít	Hộp	720
77	Dung dịch rửa	Sử dụng làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. Thành phần: Dung dịch chứa enzyme phân giải protein. Hộp: \geq 10 lít	Hộp	12
78	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu)	Sử dụng để thực hiện phân tích nhằm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu, sử dụng công nghệ VCSn. Thành phần gồm hai loại hóa chất: - Hóa chất Erythrolyse gồm: yếu tố làm ấm 0.3-1.5g/L, Formic Acid 1.2 mL/L - Hóa chất Stalllyse gồm: Sodium Carbonate 6 g/L, Natri clorua 14,5 g/L, Natri sunfat 31,3 g/L. Hộp: \geq 1900ml+850ml	Hộp	50
V	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học XN1000			
79	Dung dịch đo nồng độ Hemoglobin	Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1.7 g/L tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp \geq 1x5L	Hộp	30
80	Dung dịch kiểm mạnh rửa hệ thống bán tự động	Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa clo tỷ lệ 5,0%). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp \geq 50ml	Hộp	10
81	Dung dịch kiểm mạnh rửa hệ thống tự động	Thành phần: Sodium Hypochlorite (có chứa Clo tỷ lệ 5,0%). tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp \geq 20x4ml	Hộp	5
82	Dung dịch ly giải đếm số lượng bạch cầu kênh WDF	Thành phần: Nonionic surfactant 0,17%; Organic quaternary ammonium salts 0,07%. tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc barcode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Thùng \geq 1x5L	Thùng	30

83	Dung dịch ly giải đếm số lượng bạch cầu kênh WNR	Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.20%; Nonionic surfactant 0.10%. tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc bacode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 1x5L	Hộp	30
84	Dung dịch pha loãng	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động. Thành phần: Sodium Sulfate 13.73 g/L, Sodium Chloride 1.04 g/L, Tetracaine HCL 0.02 g/L, Imidazole 2,85 g/L. Thùng ≥ 10 lít	Thùng	160
85	Hóa chất nhuộm các tế bào nhân	Thành phần: Polymethine 0.005%; Ethylene Glycol 99.9% tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc bacode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 2x82ml	Hộp	14
86	Hóa chất nhuộm tế bào hồng cầu lưới	Thành phần: Polymethine 0.03%; methanol 7.9%; Ethylene Glycol 92% tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc bacode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 2x12ml	Hộp	6
87	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes	Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9% tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc bacode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 2x42ml	Hộp	36
88	Hóa chất sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu	Thành phần: Tricine buffer 0.17% tem nhà sản xuất có mã vạch nhận diện hoá chất tự động qua đầu đọc bacode. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: Hộp ≥ 2x1.5L	Hộp	5
89	Bơm chân không		Cái	1
90	Kim hút mẫu huyết học		Cái	5
VI	Hóa chất ngoại kiểm			
91	Hóa chất ngoại kiểm đông máu rút gọn RIQAS Coagulation Programme (5 analytes)	Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: hàng tháng. Thông số phân tích: 17 thông số. Bao gồm cả Factor VIII, Factor II, Factor V, Factor VII, Factor IX, Factor X, Factor XI, Factor XII, Plasminogen. Hộp ≥ 6x11ml	Hộp	3
92	Hóa chất ngoại kiểm huyết học RIQAS Monthly Haematology Programme	Máu toàn phần, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích máu: hàng tháng. Thông số phân tích: 11 thông số. Bao gồm cả Plateletcrit (PCT). Hộp ≥ 3x2ml	Hộp	6
93	Ngoại kiểm HbA1c	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c RIQAS Glycated Hemoglobin (HbA1c) Programme. Lọ ≥ 0.5ml	Lọ	12
94	Ngoại kiểm hóa sinh AU5800/480	Hóa chất ngoại kiểm Hóa sinh RIQAS Monthly General Clinical Chemistry Programme. Lọ ≥ 5ml	Lọ	12
95	Ngoại kiểm hóa sinh miễn dịch BNP/Trop I	Hóa chất ngoại kiểm Tim mạch RIQAS Monthly Cardiac Plus Programme. Lọ ≥ 3ml	Lọ	12

96	Ngoại kiểm hóa sinh miễn dịch D*1 600/Liaison/Ferritin	Hóa chất ngoại kiểm miễn dịch RIQAS Monthly Immunoassay Programme. Lọ ≥ 5ml	Lọ	12
97	Ngoại kiểm khí máu	Hóa chất ngoại kiểm khí máu RIQAS Blood Gas Programme. Lọ ≥ 1.8ml	Lọ	12
98	Ngoại kiểm nước tiểu	Dạng lỏng, bảo quản ở nhiệt độ (2-8°C). Tần suất phân tích hóa chất: 02 tháng một lần. Thông số phân tích: 14 thông số. Bao gồm cả Galactose. Lọ ≥ 12ml	Lọ	12
99	Ngoại kiểm sinh hóa MAU	Dạng đông khô. Đầy đủ 52 thông số + 4 thông số thử nghiệm. Lọ ≥ 5ml	Lọ	12
VII	Gelcard định nhóm máu			
100	Dung dịch lực ion yếu pha loãng hồng cầu	Dung dịch lực ion yếu pha loãng hồng cầu dùng trong xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu trên gelcard. Chai ≥ 500ml	Chai	30
101	Gelcard định nhóm máu bằng 2 phương pháp huyết thanh và hồng cầu mẫu	Gelcard xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ ABO và Rh theo phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu có giếng control tự chúng. - Card 6 giếng. - Phân tích được trên hệ thống bán tự động gel (máy ly tâm, máy đọc, máy ủ)	Thẻ	16.200
102	Gelcard định nhóm máu trẻ sơ sinh	Gelcard xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ ABO và Rh và Coombs trực tiếp cho trẻ sơ sinh. - Card 6 giếng. - Phân tích được trên hệ thống bán tự động gel (máy ly tâm, máy đọc, máy ủ)	Thẻ	960
103	Gelcard xét nghiệm sàng lọc, định danh kháng thể bất thường và làm phản ứng hòa hợp.	Gelcard môi trường AntiHuman Globulin (AHG) xét nghiệm sàng lọc, định danh kháng thể bất thường và làm phản ứng hòa hợp. - Card 6 giếng. - Phân tích được trên hệ thống bán tự động gel (máy ly tâm, máy đọc, máy ủ)	Thẻ	1.200
104	Gelcard xét nghiệm trong môi trường muối	Gelcard môi trường nước muối xét nghiệm định tính sàng lọc, định danh kháng thể bất thường, hòa hợp miễn dịch phát mẫu và định nhóm máu hệ ABO theo phương pháp hồng cầu mẫu. - Card 6 giếng. - Phân tích được trên hệ thống bán tự động gel (máy ly tâm, máy đọc, máy ủ)	Thẻ	1.200
VIII	Hóa chất, vật tư nuôi cấy, định danh vi khuẩn sử dụng, tương thích trên máy VITEK 2			
105	Thẻ định danh nấm	Thẻ định danh nấm men để định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Card	200
106	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Thẻ định danh Gram âm để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Card	800
107	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Thẻ định danh Gram dương để định danh các vi sinh vật Gram dương Thẻ gồm 43 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Card	300
108	Thẻ kháng sinh đồ cầu khuẩn gram dương	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Card	700
109	Thẻ kháng sinh đồ liên cầu	Thẻ làm kháng sinh đồ Streptococcus Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Card	500
110	Thẻ kháng sinh đồ Nấm	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm Mỗi thẻ chứa các kháng nấm chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	Card	200

111	Thế kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Thế làm kháng sinh đồ Gram âm Mỗi thế chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Card	1.000
112	BHI Broth + 15% Glycerol (Giữ chủng)	Ống nhựa chứa môi trường lỏng dùng để bảo quản lạnh sâu vi sinh vật Thành phần: Brain infusion solids, Beef heart infusion solids, Sodium chloride, Proteose peptone, Glucose, Disodium phosphate, Glycerol, Deion Water, pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C. Đóng gói: ống	Ống	4.000
113	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần: 1. Crystal Violet 2. Lugol 3. Decolor (alcohol-acetone) 4. Safranin - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai ≥ 250ml	Hộp	11
114	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là: 1. Carbol Fuchsin 2. Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) 3. Methylene Blue - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml	Hộp	17
115	Canh thang BHI	Ống nhựa trong suốt có nút xoáy vặn chặt chứa môi trường lỏng dinh dưỡng cao dùng để nuôi cấy các loại vi sinh vật kể cả vi sinh vật khó tính. Thành phần: Brain infusion solids, Beef heart infusion solids, Proteose peptone, Sodium chloride, Glucose, Disodium phosphate, pH 7.4 ± 0.2 ở 25° Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Đĩa	1.000
116	Chai cấy máu người lớn	Phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể của người lớn	Chai	4.000
117	Chai cấy máu trẻ em	Phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu	Chai	4.000
118	Chrom agar Candida	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu dùng cho phân lập và phát hiện nhanh các loài Candida trong lâm sàng. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone; Chloramphenicol; Chromogenic mix; Agar; pH 6.1±0.2 ở 25°C Đóng gói: đĩa 90mm	Đĩa	150
119	Khoanh giấy phát hiện nhanh enzyme cytochrome oxidase (Oxidase) ở vi khuẩn	Khoanh giấy đường kính 6mm tâm N,N,N',N'-tetramethyl-1,4-phenylenediamine. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	15
120	Khoanh giấy yếu tố V	Khoanh giấy yếu tố V dùng để phân biệt các vi khuẩn Haemophilus - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	15
121	Khoanh giấy yếu tố X	Khoanh giấy yếu tố X dùng để phân biệt nhóm vi khuẩn Haemophilus spp. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	15

122	Khoanh giấy yếu tố X&V	<p>Khoanh giấy yếu tố X+V dùng để phân biệt các vi khuẩn Haemophilus</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và để dàng lưu trữ - Sản phẩm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	Hộp	15
123	Khoanh kháng sinh Amoxicillin/Clavulanic acid 30µg	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp	20
124	Khoanh kháng sinh Ampicilin	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp	20
125	Khoanh kháng sinh Ampicillin + Sulbactam 20µg	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp	20
126	Khoanh kháng sinh Azithromycin	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp	20
127	Khoanh kháng sinh Cefdinir	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp	20
128	Khoanh kháng sinh Cefixim 5µg	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp	20
129	Khoanh kháng sinh Cefotaxime 30µg	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp	20
130	Khoanh kháng sinh Cefazidime 30µg	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp	20
131	Khoanh kháng sinh Ceftriaxone 30µg	<p>Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp	20

132	Khoanh kháng sinh Cefuroxime 30 μ g	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
133	Khoanh kháng sinh Chloramphenicol 30 μ g	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
134	Khoanh kháng sinh Ciprofloxacin 5 μ g	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
135	Khoanh kháng sinh Ertapenem 10 μ g	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
136	Khoanh kháng sinh Erythromycin 15 μ g	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
137	Khoanh kháng sinh Imipenem 10 μ g	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
138	Khoanh kháng sinh Levofloxacin 5 μ g	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
139	Khoanh kháng sinh Meropenem	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
140	Khoanh kháng sinh Moxifloxacin	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
141	Khoanh kháng sinh Sulphamethoxazole/trimethoprim	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
142	Khoanh kháng sinh Tetracycline 30 μ g	Hộp	20	Hộp gồm 5 cartridge/ống/ tuýp nhựa, mỗi cartridge gồm 50 khoanh giấy đường kính 6mm được in một mã nhận dạng thích hợp dạng chữ hoặc số và được tẩm một lượng kháng sinh chính xác Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương

		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
143	Khoanh Optochin	Hộp gồm 5 cartridge, mỗi cartridge gồm 50 khoanh Optochin 5µg để định danh Streptococci pneumoniae. Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	15
144	Môi trường kháng sinh đồ cho vi khuẩn Haemophilus species	Môi trường thường dùng để thực hiện thao tác kháng sinh đồ trong lâm sàng, được đề xuất bởi CLSI cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với Haemophilus species. Đóng gói: Đĩa 90mm	Đĩa	500
145	Môi trường nuôi cấy Columbia Agar + 5% máu cừu	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Đóng gói: Đĩa 90mm	Đĩa	15.000
146	Môi trường nuôi cấy MacConkey Agar	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Đóng gói: Đĩa 90mm	Đĩa	5.000
147	Môi trường nuôi cấy Mueller Hilton agar	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc. Đóng gói: Đĩa 90mm	Đĩa	800
148	Môi trường nuôi cấy SS Agar	Môi trường đồ sẵn. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella. Đóng gói: Đĩa 90mm	Đĩa	400
149	Môi trường nuôi cấy Strepto B agar	Đĩa thạch đồ sẵn. Môi trường chứa môi trường sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B. Đóng gói: Đĩa 90mm	Đĩa	1.500
150	Môi trường nuôi cấy TCBS agar	Môi trường đồ sẵn. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Vibrio. Đóng gói: Đĩa 90mm	Đĩa	400
151	Môi trường nuôi cấy Thạch UTI	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguy cơ nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu. Đóng gói: Đĩa 90mm.	Đĩa	400
152	Môi trường nuôi cấy Todd Hewitt Broth + Antibiotic	Ông nhựa chứa 5ml môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS) Thành phần: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate, Nalidixic acid, Colistin sulfate, pH: 7.8±0.2 ở 25°C Đóng gói: hộp 10 ống	Ông	1.500
153	Môi trường Sabouraud Dextrose Agar	Môi trường đồ sẵn. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm Đóng gói: Đĩa 90mm	Đĩa	500
154	Nước muối 0.45%	Đóng túi hoặc chai thể tích ≥ 500ml	Chai	40
155	Ông nghiệm pha loãng mẫu polystyrene	Ông nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần sử dụng với máy VITEK 2	Cái	8.000
156	Thạch Chocolate Agar + MultiVitox	Môi trường đồ sẵn Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc Đóng gói: Đĩa 90mm	Đĩa	13.000
IX	Test sinh phẩm			

157	HAV IgM (Test nhanh định tính phát hiện kháng thể IgM kháng HAV)	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định tính phát hiện HAV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Sử dụng mẫu thử huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: $\geq 90,6\%$, Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 97,6\%$ - Phát hiện các kháng thể IgM - Vùng cộng hợp được phù cộng hợp vàng kháng nguyên HAV và một cộng hợp kháng thể kiểm soát - Vạch kết quả được phù sẵn bởi kháng thể chuột kháng IgM người - Vạch chứng: Được phù sẵn kháng thể kiểm soát - Không phản ứng chéo với mẫu Dengue, HBV, HCV, HEV, HIV, Malaria, TB... - Bảo quản kit thử ở nhiệt độ thường 	Test	600
158	HBsAg (Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên HBsAg)	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương người - Độ nhạy: $\geq 98,89\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 98,87\%$ - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04 - Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20 - Vạch chứng IgG dê kháng chuột - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml 	Test	20.000
159	HCV (Test nhanh phát hiện kháng thể viêm gan C)	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng IgG người - Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 - Vạch chứng IgG người - Hạn SD 24 tháng trong túi kín - Bảo quản ở nhiệt độ thường 	Test	18.000
160	HEV test nhanh	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương - Định tính phát hiện kháng thể HEV trong huyết thanh huyết tương - Độ nhạy tương quan: $\geq 98,1\%$, Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,2\%$ - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp được phù sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên HEV và một cộng hợp kháng thể kiểm soát. - Vạch kết quả được phù sẵn kháng thể đơn dòng kháng IgM-người. - Vạch chứng được phù sẵn kháng thể kiểm soát. - Kit thử bảo quản nhiệt độ thường 	Test	690

161	HIV 1/2 (Test nhanh phát hiện kháng thể kháng virus HIV 1&2)	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện các type kháng thể IgG, IgA,... đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2 - Độ nhạy: $\geq 99.47\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99.87\%$ - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fc Mcab. - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW - Bảo quản ở nhiệt độ thường 	Test	18.000
162	Influenza A/B (Test nhanh phát hiện kháng nguyên virus cúm A/B)	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13435:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu thử: Dịch mũi, họng, ty hầu - Độ nhạy tương quan: $\geq 85.7\%$, Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 93,9\%$ - Thành phần Test thử: Cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng thể kháng virut cúm A và kháng virut cúm B - Vạch T1 kháng thể kháng influenza-A - Vạch T2 kháng thể kháng influenza-B - Vạch chứng phủ sẵn kháng thể kiểm chứng - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Human coronavirus, Adenovirus... - Bảo quản nhiệt độ thường 	Test	24.000
163	Kit thử nhanh phát hiện máu ẩn trong phân người	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu thử phân người - Ngưỡng phát hiện 25ng/ml - Độ nhạy tương quan: $\geq 95.8\%$, Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 98.9\%$ - Vùng cộng hợp được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng hHb - Bảo quản ở nhiệt độ thường 	Test	120
164	Que thử đường huyết	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, FDA</p> <p>Công nghệ: Cảm biến sinh học (Biosensor)</p> <p>Men que thử: GOD</p> <p>Khoảng đo: 0,6-33,3 mmol/L (10-600mg/dL)</p> <p>Loại mẫu phẩm: Máu mao mạch (đầu ngón tay, gan bàn tay, trên cánh tay)</p> <p>Đôi tương sử dụng (HCT) 25- 60 %</p> <p>Thời gian đo: 4 giây</p> <p>Lượng mẫu máu: 0,4μL</p> <p>Đơn vị đo: mmol/L(hoặc mg/dL)</p> <p>Điều kiện làm việc: +15~30°C</p> <p>Điều kiện bảo quản: +2~30°C"</p>	Hộp	50.000

165	RSV (Test nhanh phát hiện định tính virus hợp bào hô hấp RSV)	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định tính phát hiện kháng nguyên RSV - Mẫu phẩm: Dịch mũi, dịch họng, dịch rửa mũi - Độ nhạy tương quan: $\geq 96.3\%$, Độ đặc hiệu tương quan: 97.9%, Độ chính xác tương quan: $\geq 97.3\%$ - Ngưỡng phát hiện: chủng RSV tuýp A là 1.07×10^4 TCID₅₀/mL và tuýp B là 1.2×10^4 TCID₅₀/mL <p>Thành phần Test thử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng cộng hợp được phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng Protein RSV F liên hợp với keo vàng - Vạch kết quả phủ sẵn kháng thể kháng RSV - Vạch chứng phủ sẵn kháng thể kiểm chứng - Không phản ứng chéo với influenza type A & type B, Rotavirus Antigen rotavirus, Chlamydia trachomatis,... 	Test	4.800
166	Test định tính phát hiện Amphetamine	<p>Định tính phát hiện Amphetamine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng AMP; IgG-thỏ; Cộng hợp AMP-BSA; Kháng thể dê kháng IgG thỏ. Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/mL. Độ nhạy tương quan 100%; Độ đặc hiệu tương quan 100%; Độ chính xác tương quan 100%; Đọc kết quả tại 5 phút</p>	Test	2.000
167	Test nhanh định tính Marijuana-THC	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Nước tiểu - Phát hiện Methamphetamine - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100%, - Ngưỡng phát hiện: 50 ng/mL 	Test	2.000
168	Test nhanh định tính Methamphetamine	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Nước tiểu - Phát hiện Methamphetamine - Độ nhạy tương quan 100 %, Độ đặc hiệu tương quan 100 % - Ngưỡng phát hiện: 1000 ng/mL - Bảo quản ở nhiệt độ thường 	Test	2.000
169	Test nhanh định tính OPI/Morphine	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Nước tiểu - Phát hiện OPI/Morphine - Độ nhạy tương quan 100 %, Độ đặc hiệu tương quan 100 % - Ngưỡng phát hiện: 300 ng/mL - Bảo quản ở nhiệt độ thường 	Test	2.000

170	Test nhanh kháng nguyên Covid - 19	<p>Định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: $\geq 97,6\%$ - Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,5\%$ - Độ chính xác tương quan: $\geq 99,1\%$ <p>Que thử âm, chứng dương được cung cấp kèm theo mỗi hộp để kiểm tra sự chính xác của sản phẩm</p> <p>Ngưỡng phát hiện(LoD) $1,6*10^2$ TCID50/mL.</p> <p>Phát hiện được những biến chủng của SARS-CoV-2 : BA.2.86, BA.2.86.1, XBB.1.16.6, JN.1 (BA.2.86.1.1)</p> <p>Không bị lây nhiễm chéo bởi Virus RSV và Rhino ở nồng độ $3,15*10^5$ TCID50/mL</p> <p>Sản phẩm nằm trong Danh sách sử dụng khẩn cấp của WHO để chẩn đoán SARS-CoV-2 (WHO EUL)</p>	test	7.000
171	Test nhanh phát hiện EV71	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. <p>Thành phần Kit thử:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kháng thể EV71 (EV71 antibody): 20 $\mu\text{g/ml}$; 2. Kháng nguyên EV71 (EV71 antigen): 0.175 mg/ml; 3. Kháng thể kháng chuỗi μ-IgM người (Anti-human IgM μ-chain antibody): 1.5 mg/ml 4. Kháng thể đa dòng kháng IgG chuột (Anti-mouse polyclonal antibody): 2.0 mg/ml <ul style="list-style-type: none"> - Không phản ứng chéo với HBV-IgM, HIV-IgG, HCV-IgG <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13435:2016 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,6\%$, Độ chính xác tương quan: $\geq 93,2\%$ - Ngưỡng phát hiện: 0,25 ng/ml - Vùng cộng hợp: cộng hợp kháng thể kháng nguyên dengue NS1 - Vạch kết quả: kháng thể kháng nguyên dengue NS1 - Vạch chứng: được phủ sẵn một kháng thể kiểm chứng. <p>Test dạng khay"</p>	Test	3.000
172	Test nhanh phát hiện kháng nguyên (NS1) virus Dengue	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định tính trực tiếp phát hiện kháng nguyên Chlamydia trachomatis - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Ngưỡng phát hiện: $5*10^4$ IFU/ml - Độ nhạy: $\geq 93,58\%$ độ đặc hiệu: $\geq 99,08\%$, độ chính xác: 100% <p>Thành phần kit thử: 1. Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse); 0.75 mg/ml; 3. Kháng thể đa dòng để kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat); 2.25 mg/ml. - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis...</p>	Test	24.000
173	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Chlamydia trachomatis	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định tính trực tiếp phát hiện kháng nguyên Chlamydia trachomatis - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Ngưỡng phát hiện: $5*10^4$ IFU/ml - Độ nhạy: $\geq 93,58\%$ độ đặc hiệu: $\geq 99,08\%$, độ chính xác: 100% <p>Thành phần kit thử: 1. Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse); 0.75 mg/ml; 3. Kháng thể đa dòng để kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat); 2.25 mg/ml. - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis...</p>	Test	200

174	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân người	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện kháng nguyên Rotavirus trong mẫu phân người - Độ nhạy tương quan: $\geq 95.8\%$; Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 98.9\%$ - Mẫu thử phân người - Thành phần Test thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng hHb - Vạch kết quả: kháng thể đơn dòng khác kháng hHb - Vạch chứng được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. - Bảo quản nhiệt độ thường 	Test	1.200
175	Test nhanh phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng virus Dengue	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương</p> <p>Vùng cộng hợp: cộng hợp vàng kháng nguyên vỏ dengue tái tổ hợp và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vạch kết quả M: phát hiện kháng thể IgG kháng virus dengue; - Vạch chứng: được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. <p>Test dạng khay</p>	Test	3.800
176	Test nhanh phát hiện kháng thể xoắn khuẩn giang mai	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện kháng thể kháng syphilis trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương của người. - Độ nhạy: $\geq 100\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 100\%$ - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp kháng nguyên TP K011B (0,16 μg); - Vạch kết quả: Kháng nguyên TP K011A (0,2 μg); - Vạch chứng: Kháng thể thô kháng TP (0,88 μg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường 	Test	4.500
X	Vật tư nha khoa			
177	Arsen (chất diệt tủy)	Arsenic dùng diệt tủy trong nha khoa. Lọ $\geq 5\text{g}$	Lọ	5
178	Banh miệng có chặn lưỡi	Sử dụng trong hồ trị khám và điều trị nha khoa	Cái	6
179	Bẫy răng	Dụng cụ hỗ trợ nhổ răng	Cái	20
180	Bond không cần Etching (Bond 1 lần)	Là keo dán quang trùng hợp dùng trong phục hình gián tiếp hay trực tiếp. Lọ 6g	Lọ	10
181	Bột kẽm oxit điều trị tủy răng	Thành phần hoàn toàn từ Oxit kẽm nguyên chất, hoàn toàn không chứa thạch tín.	Lọ	3
182	Cán gương khám	Chất liệu làm từ thép không gỉ	Cái	30
183	Canxihydroxid (điều trị tủy răng)	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy	Lọ	3
184	Cavene (sát khuẩn ống tủy)		Lọ	2
185	Cây lên ống tủy	Lên ngang, cán kim loại, đàn hồi và chịu lực. Chiều dài 21mm hoặc 25mm, các cỡ (số 15, 20, 25)	Cái	15
186	Ceivitron	Xi măng trám tạm lợp $\geq 30\text{g}$	Lọ	12
187	Chất bôi trơn ống tủy	Dùng để bôi trơn ống tủy.	Tube	12
188	Chất lấy dấu răng	Chất lấy dấu nha khoa Alginate với khả năng lấy dấu chính xác, mùi hương dễ chịu. Để dùng sử dụng và gỡ bỏ khỏi khay lấy dấu mà ko hề ảnh hưởng đến mẫu. Tương thích với tất cả các loại thạch cao.	Túi	100

189	Chỉ co nước	Dùng để tách nước trước khi lấy máu và loại bỏ máu, nước bọt, và dịch mô còn sót lại trong khe nước	Lọ	2
190	Chổi đánh bóng	Dùng để đánh bóng, làm sạch răng	Cái	200
191	Chụp thép bán sẵn	Dùng cho trẻ em	Cái	50
192	Cốc đánh bóng	Cốc đánh bóng dùng trong nha khoa	Cái	300
193	Cốc nhựa dùng 1 lần	Cốc nhựa dùng trong nha khoa	Cái	7.000
194	Composit đặc	Là vật liệu composite quang trường hợp, mang lại những lợi thế đáng kể về tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy. Tube \geq 4g	Nhộng	50
195	Composit lỏng	Vật liệu trám composite lỏng, bền, bề mặt cực mịn, dễ dàng tra vào những vị trí phức tạp. Tube \geq 2g	Nhộng	300
196	Côn guttapercha	Giúp trám bít ống tủy dễ dàng và nhanh chóng, tính cân quang cao. Côn gồm nhiều kích cỡ và độ thuôn khác nhau và có vạch đánh dấu chiều dài.	Hộp	50
197	Costisomol (chất hàn tủy)	Chất hàn ống tủy	Hộp	2
198	Cục cắn	Cục cắn màu vàng (mềm) Giúp bệnh nhân có thể há miệng lâu, ít mỏi Có thể gắn thêm chặn lưới để bảo vệ lưới khi mài	Cái	5
199	Đầu kim tiêm 27 G	Kim 27G	Cái	6.000
200	Đầu lấy cao răng	Đầu lấy cao răng dưới/trên nước ART	Cái	5
201	Dầu xịt tay khoan	Dầu xịt tay khoan. Chai \geq 550ml	Chai	5
202	Dung dịch Osemol	Dung dịch sát trùng nhanh dùng trong điều trị nhiễm trùng tủy và dính tủy. Lọ \geq 15ml	Lọ	15
203	Etching men răng	Một axit xoi mòn men răng, ngà răng với 37% acid phosphoric	Lọ	40
204	Eugenol (chất sát khuẩn ống tủy)	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa, thể tích tối thiểu 30ml/chai	Lọ	25
205	Fuji 1 (vật liệu hàn răng)	Xi măng gắn chốt (35g+ 25g)	Hộp	20
206	Fuji 7 (vật liệu hàn răng)	Hộp 15g bột+8ml nước. Dùng để trám răng, dạng bột và nước, có chứa strontium, phông thích floor cao bảo vệ bề mặt răng, ngăn ngừa vi khuẩn	Hộp	5
207	Fuji 9 (vật liệu hàn răng)	Xi măng trám hàn răng 9 Gồm 15g powder, 8g liquid	Hộp	30
208	Giấy cản	Sử dụng trong thăm khám nha khoa	Hộp	6
209	Guttapercha (điều trị tủy máy) size F1	Vật liệu trám bít ống tủy răng	Hộp	6
210	Guttapercha (điều trị tủy máy) size F2	Vật liệu trám bít ống tủy răng	Hộp	6
211	Guttapercha (điều trị tủy máy) size F3	Dùng để trám bít ống tủy răng sau khi điều trị, để phòng tránh việc vi khuẩn xâm nhập trở lại	Hộp	3
212	Hyposol (bom rửa ống tủy)	Dung dịch bom rửa ống tủy	Chai	6
213	Kim nhổ Răng	Làm bằng thép không gỉ, hấp sấy được	Cái	20
214	Lentulo (hàn ống tủy)	Trám đưa xi măng vào ống tủy	Cái	100

215	Mặt gương khám nha khoa	Mặt gương dùng trong nha khoa. Hộp ≥ 12 cây	Hộp	5
216	Mũi khoan nha khoa	Mũi khoan kim cương dùng cho tay khoan nhanh	Cái	500
217	Nĩa khám nha khoa	Kẹp khám nha khoa	Cái	20
218	Nong đưa ống tủy các số	Trâm tay nội nha K-file và H-file, dài 21mm và 25mm, size từ 8-40, Vi ≥ 6 cây, đã tiệt trùng	Vi	100
219	Nụ đánh bóng bề mặt răng	Làm bằng silicon, đánh ít bị mòn	Cái	100
220	Ốc tay khoan	Turbine vận tay khoan nha khoa	Cái	12
221	Ống hút	Ống hút nước bọt dùng trong nha khoa	Cái	7.000
222	Protaper for hand use (SX-F3)	Protaper dùng tay: Vi 6 cái	Bộ	4
223	Tăm Bond (hàn composite)	Keo dán Bonding Resin. Lọ ≥ 7ml	Hộp	50
224	Thạch cao vàng	Thạch cao dùng cho đồ mẫu hàm trong nha khoa	Túi	200
225	Thám trâm nha khoa	Là các dụng cụ nhỏ làm bằng thép không gỉ, có nhiều hình dạng và kích thước nhưng thường có 3 dạng: cong, thẳng và gập khúc. - Được thiết kế nhằm thăm khám, phát hiện lỗ sâu mặt trong, mặt ngoài hay mặt nhai của răng, lỗ trống, ống tủy... hay những vị trí mà mắt thường không thể nhìn thấy được	Cái	20
226	Thìa lấy dấu Inox (lấy dấu răng)	Chất liệu Inox	Bộ	10
227	Trâm gai lấy tủy	Trâm gai lấy tủy. Các màu	Cái	2.000
228	Trâm xoay máy điều trị tủy răng	Trâm xoay máy điều trị tủy răng (SX - F3) dài 25mm	Bộ	24
XI	Khí y tế			
229	Khí Oxy lỏng	Chất lượng ≥ 99,5%. Nạp trực tiếp vào bồn chứa của Bệnh viện	Kg	720.000
230	Khí Oxy (bình 40L)	Chất lượng ≥ 99,3%. Áp suất nạp 150 atm, áp suất làm việc 135 atm. Nạp trong chai dung tích 40 lít	Bình	360
231	CO2 lỏng đóng chai	Khí CO2 ≥ 99,4%. Nạp trong chai dung tích 40 lít. Khối lượng khí 25kg/chai	Kg	1.200
XII	Vật tư chạy thận nhân tạo			
232	Bộ dây máu chạy thận	Dây được làm bằng nguyên liệu PVC tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex, chống xoắn, không chứa DEHP. + Chiều dài dây tĩnh mạch trong khoảng 2500 - 3500mm, + Chiều dài dây động mạch trong khoảng 3500 - 4200mm. - Báu máu có cổng tiêm thuốc linh hoạt. - Phù hợp với các máy chạy thận của bệnh viện - Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	7.000

233	Catheter 2 nòng có cuff đặt đường hầm để chạy thận	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 1 catheter 2 nòng, chất liệu Polyurethane có cân quang + 1 Dây dẫn bằng hợp kim Nitinol + 1 Kim hình chữ Y 18G + 1 Dao mổ số 11 + 1 Bơm tiêm 10cc + Que nong 2 cái: kích thước 12F hoặc 14F <p>- Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Bộ	12
234	Catheter lọc máu 2 nòng	<p>Catheter 2 nòng 12F, dài 16cm/20cm, chất liệu polyurethan. Có chứng nhận chất lượng CE, ISO 13485:2016</p>	Cái	130
235	Kim bướm chạy thận	<ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng thép không gỉ, thành mỏng, sắc. - Chiều dài kim khoảng: 25 (mm) - Đường kính có nhiều loại 16G hoặc 17G - Cánh bướm xoay được quanh kim. Thiết kế mắt sau.. - Dây nối mềm mại theo chuẩn y tế. - Chiều dài dây nằm trong khoảng 200 - 400mm. - Có kẹp dây để khóa - Có cánh để cố định <p>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	50.000
236	Màng lọc dịch siêu sạch	<p>Quả lọc dịch Diasafe Plus hoặc tương đương</p>	Quả	20
237	Acid Citric	<p>Dạng hạt tinh thể</p>	Kg	1.000
238	Acid Peracetic	<p>Hàm lượng: +Acid Peracetic 4.5% - 10% (±2) +Hydrogen peroxide: 19 % - 35% (±5)</p>	Lít	150
239	Muối tinh khiết	<p>Muối tinh khiết dùng trong xử lý nước. NaCl 99.50%</p>	Kg	14.000
240	Quả lọc Low Flux	<p>Chất liệu màng lọc: làm từ nguyên liệu Polysulfone hoặc tương đương, không giãn nở khi tiếp xúc với máu và hóa chất bảo quản, không gây dị ứng, phản ứng sốt rét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích màng lọc $\geq 1,3 \text{ m}^2$ - Thể tích mỗi $\geq 78\text{ml}$ - Hệ số siêu lọc: $\geq 13\text{ml/h} \times \text{mmHg}$ - Độ thanh thải (lưu lượng máu): $\geq 200 - 300 \text{ ml/phút}$ + Ure: ≥ 186 + Creatinine: ≥ 173 + Phosphate: ≥ 148 + Vitamin B12: ≥ 92 <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Quả	2.500

241	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	Chất liệu hạt lọc Polystyrene hoặc tương đương, nắp quả lọc và miếng đệm mesh được làm từ Polypropylene hoặc tương đương, được tiệt trùng bằng phương pháp hấp tự động. - Thể tích lọc ≥ 130 ml - Thể tích mỗi ≤ 70 ml - ≥ 80 ml. - Vùng hấp phụ lớn đảm bảo chất độc được hấp phụ hiệu quả hơn. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Quả	50
242	Quả lọc Sureflux – 130E	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate hoặc tương đương, không chứa Bisphenol-A(BPA), không chứa DEHP. Cấu trúc sợi màng gọn sóng - Diện tích $\geq 1,3$ m ² . - Thể tích mỗi ≥ 78 ml. - Hệ số siêu lọc ≥ 17 (mL/giờ/mmHg). - Độ thanh thải (Qb ≥ 200 ml/min): Ure ≥ 189 ml/min; Creatinine ≥ 180 ml/min Phosphate ≥ 179 ml/min Vitamin B12 ≥ 114 ml/min - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485 hoặc tương đương	Quả	3.000
243	Que thử độ cứng của nước		Hộp	12
244	Que thử tồn dư Clo trong nước chạy thận		Lọ	3
XIII	Bông, băng, gạc, vật liệu cầm máu, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương			
	Bông			
245	Bông hút	Chất liệu: Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị to và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ hoặc CE	Kg	1.300
	Băng			
246	Băng cuộn y tế 10cm x 5m	Được làm từ Gạc màu trắng, không ó vàng, không mốc, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không có xơ, dễ xé ngang. Độ lệch sợi: Không quá 5 sợi mỗi bên. Tốc độ chìm trong nước không quá 10 giây. Kích thước: Chiều dài $\geq 5,0$ m $\pm 0,2$ m; Chiều rộng 10 cm $\pm 0,4$ cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	24.000
247	Băng cuộn y tế 5cm x 5m	Được làm từ gạc màu trắng, không ó vàng, không mốc, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không có xơ, dễ xé ngang. Độ lệch sợi: Không quá 5 sợi mỗi bên. Tốc độ chìm trong nước không quá 10 giây. Kích thước: Chiều dài $\geq 5,0$ m $\pm 0,2$ m; Chiều rộng 5 cm $\pm 0,4$ cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1.000

248	Băng thun	Băng thun y tế 3 móc 10cm x 5,5m (độ dài kéo giãn). Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... <ul style="list-style-type: none"> • Độ bền kéo theo chiều dài cuộn: ≥ 400 N • Độ giãn dài tại thời điểm lực lớn nhất: $\geq 400\%$ • Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	200
	Băng dính			
249	Băng keo cuộn co giãn	Vải không đan dệt, co giãn. Keo Acrylic. Thành phần: Không chứa latex, không chứa dẫn xuất từ động vật. Không phthalates. Dùng để cố định băng gạc, dụng cụ y khoa. Kích thước 10cm x 10m	Cuộn	30
250	Băng dính lụa	Kích thước 5cm x 5m. Băng keo lụa Nền Taffeta trắng, 100 % sợi băng cellulose acetate, đan dệt số sợi 44 x 19.5 sợi/cm. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Lực dính 1.8-5.5N/cm. Có kiểm tra vi sinh. Lõi bằng nhựa liền cánh bảo vệ. Tiêu chuẩn CE.	Cái	24.000
251	Băng thun co giãn 10cm x 4,5m	Băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính 2-9 N/cm, độ co giãn $\geq 90\%$, có lớp giấy lót bảo vệ, tia X đi qua được. Có kiểm tra vi sinh.	Cuộn	20
252	Băng vết mổ vô trùng (9x25)cm	Nền băng Polyester đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) định lượng vải 45-55g/m ² , mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Gạc 5cm x 20cm, rayon 80%, PET (polyester) 20%, định lượng 210-230g/m ² , độ bền kéo 3.0kg/12mm \pm 300g, có lớp màng Polyethylene (P.E) không dính vào vết thương. Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm \pm 30g an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng từng miếng bằng E.O Gas. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA.	Cái	4.000
253	Miếng dán vô trùng	Miếng dán phẫu trường, cỡ 55cm x 45cm	Cái	200
254	Miếng dán cố định kim lùn	Băng Polyurethane (P.U) (6.7cm x 10cm) \pm 0.5 hình oval, không chứa Latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng. Độ bền kéo 2.0kg/12mm \pm 200g, đường xé rãnh 7mm x 25mm chuyên dùng cố định kim lùn. Phủ keo Acrylic độ dính 440g/12mm \pm 30g an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng từng miếng bằng ethylene oxide (E.O Gas). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc FDA.	Cái	12.000
	Gạc, băng gạc điều trị các vết thương			
255	Gạc hút y tế	Gạc hút nước hoàn toàn trắng, không được có lơ hoặc màu phụ để làm trắng. Mỗi centimet vuông có ≥ 10 sợi dọc, ≥ 8 sợi ngang. Gạc hút nước chỉ có sợi bông, không được có loại sợi nào khác. Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. Kích thước 0,75m - 0,85m. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	mét	70.000
256	Gạc dẫn lưu 1,5x100cmx4 lớp	Được sản xuất từ gạc không dệt hút nước (100 % cotton) được cuộn thành từng dây nhỏ dài, kích thước 1,5cm x 100cm x 4 lớp vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	600

		hoặc tương đương			
257	Gạc meche phẫu thuật đã tiệt trùng	Gạc hút nước màu trắng được cắt gập, may theo kích thước 3,5cmx75cmx6 lớp đóng gói bằng bao nilon, bao giấy trắng PE hoặc túi ép tiệt khuẩn.	Cái	12.000	
258	Gạc phẫu thuật 10x10cm đã tiệt trùng	Kích thước: 10cm x 10cm x 6 lớp. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngấm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, cGMP- FDA.	Cái	320.000	
259	Gạc phẫu thuật 30x40cm đã tiệt trùng	Gạc có kích thước 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng, cân quang, được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Có sợi cân quang để kiểm tra sợi gạc.	Cái	72.000	
260	Gạc phẫu thuật không dệt vô trùng	Gạc có kích thước 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp, được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước < 5 giây. Độ ngấm nước >= 5gr nước/1gr gạc. Độ ẩm: 5-6.5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Độ pH: trung tính. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế, Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, cGMP- FDA	Miếng	4.000	
	Vật liệu cầm máu, điều trị các vết thương				
261	Bone wax (sáp cầm máu xương)	Sáp cầm máu dùng cho xương SMI Bone wax là hỗn hợp tiệt trùng gồm sáp ong trắng (80%) và isopropyl palmitate (20%). Đóng gói : hộp 12 gói. Mỗi gói chứa 2,5g sáp tiệt trùng. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bên dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	100	

262	Miếng cảm màu mũi	<p>Vật liệu từ Xốp PVA (Polyvinyl alcohol). Hình dạng thuôn dài, nén mỏng. Các cạnh được bo tròn, mềm mại, ít gây ma sát và kích ứng mũi Các lỗ có kích thước siêu nhỏ và đồng nhất để hạn chế sự bám dính mô Cho phép giãn nở khi ngâm trong dung dịch lỏng để tạo nên một cấu trúc mềm, xốp Hiệu quả cảm màu nhanh, thấm hút tốt Tốc độ thấm thu chất lỏng: tối thiểu 3 giây Kích thước lỗ: 200-1400µm Dây làm bằng chi không tiêu (Polyamide 6/66, Silk...) Kích thước (đài x rộng x cao): 80 mm x 20 mm x 15 mm Khả năng thấm hút của miếng cảm màu mũi lớn hơn 26 lần về khối lượng giữa trạng thái khô và ướt Test không có vi khuẩn và nấm mốc Tồn dư EO, ECH: Không vượt quá 60 mg / sản phẩm Đóng gói 2 cấp độ : 1 cái / bao nhôm, hút chân không và 1 mid-seal / 1 bao gói 10 - 20 bao gói / hộp (có thể điều chỉnh theo yêu cầu khách hàng) Tiệt trùng bằng Ethylene oxide. Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001.</p>	Miếng	300
263	Vật liệu cảm màu tự tiêu cellulose oxy hóa dạng lưới	<p>Vật liệu cảm màu tự tiêu cellulose oxy hóa tái tổng hợp, Sử dụng phối hợp trong phẫu thuật để hỗ trợ kiểm soát chảy máu ở mao mạch, tĩnh mạch và động mạch nhỏ khi phương pháp buộc hoặc các phương pháp cảm màu truyền thống khác không thực hiện được hoặc không hiệu quả Tác dụng : Sau khi UNICEL thấm màu sẽ trương nở thành một cấu trúc tương tự gelatin có màu hơi nâu hoặc đen giúp hình thành cục máu đông. Vật liệu cảm màu sẽ tự tiêu và hầu như không gây phản ứng mô. Bên cạnh đó UNICEL còn có khả năng diệt khuẩn in-vitro đối với nhiều loại vi sinh vật gram dương và gram âm kể cả vi sinh vật hiếu khí và kỵ khí. nhiều lớp, kích thước 10.2 x20.3 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485:2003 & EN ISO 13485:2012.</p>	Cái	300
	Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương			
264	Cloramin B (Túi 20g)	Dạng bột chứa clor, dùng để sát khuẩn bề mặt, khử khuẩn nước. Đóng túi hàn kín 20g.	Gói	6.800
265	Cloramime B	Dạng bột chứa clor, dùng để sát khuẩn bề mặt, khử khuẩn nước.	Kg	3.800
266	Cồn 70 độ	Dung dịch trong, không vân đục, mùi cồn đặc trưng. Nồng độ Ethanol 70%. Dùng trong y tế.	Lít	23.000
267	Cồn tuyệt đối	Dung dịch trong, không vân đục, mùi cồn đặc trưng. Nồng độ Ethanol đạt ít nhất 99,5%.	Lít	1.100
268	Dung dịch khử khuẩn dung cụ Glutaraldehyde 2%	Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111 Tải sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử)."	Lít	720

269	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao Ortho-Phthalaldehyde	Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Diệt bào tử trong 30 phút Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN 17111. Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). Thời gian bảo quản dung dịch trong can sau khi mở nắp đến 3 năm. Tương thích với ống nội soi	Lít	660
270	Dung dịch làm sạch khử khuẩn bước đầu dụng cụ y tế	Didecylidimethylammonium chloride 7.5% (w/w); Polyhexamethylene Biguanide Hydrochloride 1.5% (w/w), Các enzyme (protease, lipase, amylase); chất hoạt động bề mặt nonionic; chất ức chế ăn mòn và các chất phụ gia vừa đủ 100%.	Chai	240
271	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%	Chai	700
272	Dung dịch sát khuẩn tay	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha-Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%. Chai 500ml có vòi bơm, tác dụng rửa tay thường quy và rửa tay ngoại khoa. Diệt khuẩn nhanh, phổ rộng với hầu hết các loại vi khuẩn.	Chai	500
273	Dung dịch surfanios	Thành phần: 2,5% Didecylidimethylammonium chloride + 5,1% N,N Bis (3Aminopropyl) dodecylamine Làm sạch khử khuẩn sàn nhà, bề mặt, tương thích tốt với các chất liệu bề mặt. Đạt tiêu chuẩn EN 16615 Diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 Nồng độ pha: 0.25% Thời gian tiếp xúc: từ 15 phút	ml	26.000
274	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính đa enzyme	Thành phần: 14% N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate, hỗn hợp 3 enzym: protease, lipase và amylase Làm sạch và khử nhiễm. Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút Đạt tiêu chuẩn ISO 15883, diệt khuẩn EN 14561, EN 14476. Diệt virus có vỏ bọc theo tiêu chuẩn EN 17111	Lít	200
275	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930.Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5 pH = 6.8-7.3 Thời gian: từ 5 phút Chai ≥ 1 lít	Chai	85
276	Dung dịch xịt khuẩn bề mặt và dụng cụ	Didecylidimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w ; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%. Chai ≥ 1 lít	Chai	150

277	Javen (chai 500ml)	Nước tẩy Javel 12%. Có màu hơi xanh, có mùi đặc trưng	Chai	800
278	Javen (lít)	Nước tẩy Javel 12%. Có màu hơi xanh, có mùi đặc trưng	Lít	8.000
XIV	Bom, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh			
	Bom tiêm			
279	Bom ăn 50 ml	<p>Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</p> <p>- Bom có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc.</p> <p>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy.</p> <p>- Bom có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em</p> <p>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</p>	Cái	8.000
280	Bom tiêm 1 ml	<p>Bom tiêm 1ml có Xy lanh làm bằng nhựa y tế nguyên sinh (PP) trong suốt, nhãn bóng, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0,01ml. Vị trí đặt 2 ngón tay có gờ làm tăng độ bám chắc khi tiêm. Đốc xi lanh nhỏ lắp vừa các cỡ kim.</p> <p>- Pit tông: Trong suốt, có khía bẻ gãy để hủy, không cong vênh, không có ba vĩa.</p> <p>- Gioăng: Làm từ nhựa PVC dùng trong y tế, gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Đạt khoảng chết ≤ 0,03ml.</p> <p>- Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ. Thân kim được phủ Silicon. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim bằng nhựa PP.</p> <p>- Kim các số: 26Gx1/2"; 25Gx1"; 25G x 5/8"; theo yêu cầu.</p> <p>+ Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</p> <p>+ Vô trùng - không độc - không bột - không gây sốt - không DEHP</p>	Cái	90.000

281	Bơm tiêm 10ml	<p>Bơm tiêm 10ml có Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gờ làm tăng độ bám chắc khi tiêm. Đốc xi lanh nhỏ lắp vừa các cỡ kim, sử dụng được cho máy bơm tiêm điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pít tông: Trong suốt, có khía bề gãy để hủy, không cong vênh, không có ba vĩa. Núm đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm. - Gioăng: Làm từ nhựa PVC dùng trong y tế, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, bề mặt gioăng nhẵn. - Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ. Thân kim nhẵn, được phủ Silicon. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Nắp chụp kim khí bảo vệ đầu kim tốt, làm từ nhựa PP - Kim các số: 25Gx1; 23Gx1; theo yêu cầu. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). + Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP. 	Cái	600.000
282	Bơm tiêm 20ml	<p>Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 	Cái	80.000
283	Bơm tiêm 50 ml	<p>Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, sản phẩm chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. 	Cái	60.000

284	Bơm tiêm 5ml	<p>Bơm tiêm 5ml có - Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0,5ml, không bị nhòe mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gờ làm tăng độ bám chắc khi tiêm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pit tông: Trong suốt, có khía bẻ gãy để hủy, không cong vênh, không có ba vĩa. - Gioăng: Làm từ nhựa PVC dùng trong y tế, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, - Kim làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gò. Nắp chụp kim chế tạo từ nhựa PP. Thân kim nhẵn, tròn đều, được phủ Silicon. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Nắp chụp kim khít bảo vệ đầu kim tốt, chế tạo từ nhựa PP dùng trong y tế. - Kim các số: 25Gx1"; 25G x 5/8"; 23Gx1"; theo yêu cầu. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). + Vô trùng - không độc - không bụi - không gây sốt - không DEHP. 	Cái	600.000
	Kim tiêm			
285	Kim lấy máu, lấy thuốc	Tiệt trùng bằng khí EO. Không gây sốt, không độc.	Cái	600.000
286	Kim luồn tĩnh mạch	<p>Kim luồn không cánh, không cửa, đóng gói đơn chiếc trong vỏ nhựa cứng hình bút, màu sắc tương ứng cỡ kim: 18G- màu hồng, 20G- màu vàng, 22G- màu đen, 24G- màu tím. Kích thước kim: số 16G x 2", 18G x 2", 20G x 2", 22G x 1", 24G x 3/4". Có 3 vạch cân quang. Phần catheter chất liệu ETFE cứng, dai, không bị gãy, không bị toè khi chọc ven, ít gây dị ứng da, viêm da hay viêm tĩnh mạch. Đóng gói 50x20 = 1.000cái/thùng. Tiệt trùng 2 lần bằng chùm điện tử và khí EO. Cân dài, khoang chứa máu rộng. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016.</p>	Cái	140.000
287	Kim luồn tĩnh mạch an toàn trẻ em 24G	<p>Kim luồn có cánh và cửa tiêm thuốc với van 1 chiều có nắp đậy. Có nắp nhựa bảo vệ an toàn tự bung ra khi rút kim. Phần catheter có cân quang, chất liệu PUR. Kim cấy vát 2 lần siêu nhọn và sắc. Chuôi kim trong suốt phân quang với bộ lọc ky nước cho phân quang liên tục. Kim có cỡ trẻ em 24G màu vàng (O.D 0,7x19mm, 20ml/phút). Tiêu chuẩn ISO 13485, EC.</p>	Cái	3.000
288	Kim luồn tĩnh mạch có cánh và có cổng tiêm	<p>Catheter làm bằng chất liệu PTFE, có 3 đường cân quang ngầm. Kim bằng thép không gỉ phủ silicon, vát đa diện. Có cánh, cổng tiêm thuốc có van silicon chống trào ngược. Thời gian lưu tối đa 72h. Màu sắc - kích thước - tốc độ dòng chảy: (màu cam) 14G - 2.1 x 45mm - 240 ml/phút; (màu ghi xám) 16G - 1.8 x 45mm - 180 ml/phút; (màu xanh lá cây) 18G - 1.3 x 45mm - 90 ml/phút; (màu hồng) 20G - 1.1 x 32mm - 60 ml/phút; (xanh nước biển) 22G - 0.9 x 25mm - 36ml/phút.: (màu vàng) 24G - 0.7 x 19mm -20ml/phút. TC ISO 13485, TC CE.</p>	Cái	5.000
289	Kim cánh bướm	<p>Có các số 18G- 25G. Đầu nối, được làm bằng nhựa trong y tế cao cấp ABS. Nắp đầu nối, nắp đậy kim và cánh bướm được làm bằng nhựa y tế cao cấp PE. Dây dài 30cm nguyên liệu PVC y tế cao cấp, kim sắc làm từ thép không gỉ, nòng kim có thành mỏng, đầu góc xiên vát ngắn giúp lấy ven dễ dàng. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	Cái	220.000

290	Kim chích máu	Đầu kim thép không rỉ vát ba đầu sắc nhọn, dùng với bút chích máu, giúp lấy máu không đau. Size: 28G. Tiết trùng bằng tia Gamma. Chất liệu: Catheter Polyurethane nhạy nhiệt, ống bọc ngoài đầu tips chống xoắn (anti kinking sleeve) Kích thước: 18G dài 8/12cm hoặc 20G dài 4.5/8cm. Tốc độ dòng 18Ga x 8cm - 66.2ml/phút; 18Ga x 12cm - 53.3ml/phút hoặc 20G x 4.5cm - 23ml/phút, 20G x 8cm - 18ml/phút * Bộ gồm - Catheter - Guide wire 0.035"x 50cm hoặc 0.021"x 20cm - Kim dẫn thẳng 18Ga x 7cm hoặc 20Ga x 4cm - Bơm tiêm 5cc hoặc 2.5cc - Dao mổ - Đóng gói tiệt trùng EO. Không latex - TCCL: ISO hoặc CE	Cái	50.000
291	Kim arline động mạch		Cái	550
292	Kim buồng truyền	Kim truyền buồng tiêm (Bộ dây kim cong cánh bướm) 20G*3/4 sử dụng cho việc truy cập vào hệ thống buồng tiêm cấy dưới da. - Phần chính gồm 1 ống nhỏ bằng chất dẻo một đầu gắn kim và đầu kia gắn với một đầu nối hỗ trợ và nắp bảo vệ đầu nối hỗ trợ, đoạn giữa có van đóng mở có công tiêm thuốc chữ Y. - Ống dây và đầu nối được làm từ nhựa PVC. Kích thước đầu nối phù hợp ISO 80369-7. - Kim tiêm đầu kim sắc nhọn cong 90 độ, làm từ thép không rỉ 304 SS phù hợp với ISO 9626. - Van đóng mở được làm từ nhựa PP. Nắp đầu nối hỗ trợ được làm từ nhựa PE - Sản phẩm đạt chứng nhận CE Marking	Hộp	220
	Dây truyền, dây dẫn			
293	Dây truyền dịch	Thành phần cấu tạo: Nắp bảo vệ bằng nhựa PE. Kim chai có thông khí bằng nhựa ABS, kích thước 28mm ± 1mm, OD 5.6mm ± 1mm. Có cửa hút khí màu xanh bằng nhựa PVC. Bầu nhỏ giọt dài 4.5cm thể tích 6ml bằng nhựa PVC. Màn lọc dịch bằng nhựa ABS + nylon 6.6, đường kính lỗ lọc 15µm. Bông flash không có cao su. Ống dây bằng nhựa PVC chống vặn xoắn, ID 2.75mm ± 0.05mm, OD 3.8mm ± 0.05mm, dài 160cm. Tổng chiều dài 180cm. Áp suất chống rò rỉ 50KPA, độ bền kéo 20N trong 20 giây. Kim 21Gx1.5 in, chất liệu thép không gỉ, cứng, bóng, nhọn, cắt vát 3 cạnh, không có gờ. Đầu nối luer slip nhựa PP. Tiết trùng bằng EO gas. Không độc tố, không gây sốt, không DEHP. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE, CFS	Bộ	260.000
294	Dây truyền máu	Đầu cắm nhựa cứng có màng lọc khí, KT lỗ lọc 3,0µm dày 4,7-10,0mils. Khóa hãm ABS. Ống dây chất liệu PVC S1000 dài 1500mm chuẩn USP và ISO 10993. Bầu lọc dài 8,7cm trong suốt, có 2 ngăn, màng lọc ngăn trên có lỗ lọc KT 200 micron. Kim 18Gx1 1/2.	Cái	3.500

295	Dây nối bơm tiêm điện	<p>Chất liệu PVC y tế trong suốt, không độc tố. Kích thước I.D 1.0mm, O.D 2.0mm. Chiều dài 140cm. Đã tiệt trùng, không gây sốt. Đạt TC ISO 13485:2016, TC EC.</p> <p>Chất liệu buồng tiêm: Vỏ bằng titanium, vách ngăn buồng tiêm bằng silicone tự hàn hoặc không có silicone, hình côn, kích thước: 30.0 mm x 11.3mm, dung tích 0.6ml. Kích cỡ Catheter: 8F, 6F. Kèm theo Catheter bằng chất liệu chronoflex hoặc Catheter cân quang có van 3 chiều Groshong.</p> <p>Buồng tiêm có điểm đánh dấu cân quang để dễ xác định vị trí.</p> <p>Bộ buồng tiêm truyền cấy dưới da bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 công tiêm tiêu chuẩn chất liệu titanium có tốc độ truyền tối đa 5ml/s. Chịu được áp lực 300psi. - 01 catheter bằng polyurethane có cân quang hoặc Catheter cân quang có van 3 chiều Groshong. Kích cỡ 8F, chiều dài 45cm. Tốc độ truyền trung bình >500ml/h với kim không lõi loại 19G. Có điểm đánh dấu chiều sâu mỗi 1cm. - 01 kim không lõi thẳng, loại 22G, đường kính ngoài 0.7mm x25mm - 01 kim không lõi dạng góc loại 22G, đường kính ngoài 0.7mm x25mm - 01 bơm tiêm 12ml - 01 kim dẫn đường loại 18G, đường kính ngoài 1.3mm, đường kính trong 1.0mm x70mm - 01 bộ tiêm truyền an toàn Powerloc loại 20G, đường kính ngoài 0.9mm x25mm - 01 dụng cụ mở ven (Vein Pick) - 02 khóa hãm catheter - 01 ống dẫn hình chữ J đường kính 0.035"x45cm - 01 đầu kết nối (introducer) - 01 dụng cụ tạo đường hầm <p>Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO, CE</p>	Cải	30.000
296	Buồng tiêm truyền cấy dưới da tốc độ cao	<p>Buồng tiêm đa năng đặt cố định lâu dài dưới da. Kèm theo Catheter bằng chất liệu chronoflex, Silicon hoặc van 3 chiều Groshong. Vỏ bằng nhựa. Catheter cỡ 6F; 8F; 9.6F.</p> <p>Buồng tiêm cao 11.7mm.</p> <p>Vòng khóa catheter cân quang</p> <p>Chụp được dưới CT và M.R.I</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO</p>	Bộ	10
297	Buồng tiêm truyền hóa chất dưới da	<p>Buồng tiêm truyền cấy dưới da hình trụ cải tiến. Kích thước khoảng : buồng cao 12mm, đường kính đỉnh buồng 20mm, đáy buồng 20mm, đáy có rìa khâu cố định buồng tiêm 28mm. Chất liệu: Vỏ bằng Titanium. Vách ngăn buồng tiêm bằng Silicone. Dung tích khoảng 0,8ml. Trọng lượng: 7,5g, tương thích với cộng hưởng từ và không bị đào thải khi ghép, khoang trong buồng tiêm không góc chết gây lắng đọng chảy. Ống thông- catheter silicone: 600mm đường kính trong 1mm, đường kính ngoài 2,4 mm, có cân quang, có vạch đo độ dài và vạch mức chuẩn đề nghị.</p> <p>Dụng cụ phụ kiện: 01 que tạo đường hầm bằng plastic và phụ kiện tạo dẫn hướng. 01 bộ dây dẫn đường ống thông - Catheter: 01 huber set 21-G gồm 01 kim đầu tù, 01 ống tiêm 10ml, 01 kim Huber 21G. 02 kẹp khóa an toàn. 1 kim chọc dò mạch. 1 CD hướng dẫn thao tác thủ thuật. Tiêu chuẩn: ISO, CE.</p>	Bộ	20
298	Buồng tiêm truyền cấy dưới da Titanium		Bộ	40

299	Bộ truyền giảm đau dùng 1 lần có chức năng PCA	Bình chứa thuốc dung tích 300ml ($\pm 3\%$), có vạch chia; Bộ điều chỉnh tốc độ: 2/4/6/8ml/h, có khóa điều chỉnh; Nút bấm PCA thiết kế đặc biệt, dễ sử dụng, liều tăng cường 1ml, thời gian khóa 15 phút; Công nạp thuốc nằm trên bộ dây, sử dụng van 1 chiều, chống chảy ngược thuốc ra ngoài; Bộ dây truyền có kìm khóa, bộ lọc và công bơm thuốc; Chất liệu làm bình chứa không có cao su thiên nhiên và DEHP	Bộ	1.000
	Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác			
300	Kim chọc hút sinh thiết mô mềm	Kim cấu tạo gồm 3 bộ phận: 01 kim dẫn đường; 01 kim sinh thiết; 01 khóa an toàn. Tay cầm bằng nhựa. Thân kim bằng thép không gỉ, có đánh dấu chiều sâu thâm nhập (mỗi vạch 1cm). Kim có kênh hút dịch (tùy chọn). Có 2 nấc cho chức năng lấy mẫu: 11mm và 22mm. Đường kính kim: 14/16/18/20G. Chiều dài kim: 90/130/160/220mm. Đóng gói tiệt trùng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	120
301	Kim chọc hút tủy xương	Thân kim làm bằng thép không gỉ, tay cầm làm bằng nhựa. Kích thước 16G. Chiều dài kim có thể điều chỉnh từ 8-40mm. Chiều dài thâm nhập được đánh dấu rõ ràng bằng số trên tay cầm của kim. Đầu kim vát giúp dễ dàng thâm nhập. Kim được đóng gói tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	200
302	Kim sinh thiết màng phổi dùng nhiều lần	Kim được làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy tiệt trùng ở nhiệt độ cao. Kim bao gồm: Troca, kim chọc, kim sinh thiết, que thông. Kích thước 11G, chiều dài: 75mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1
303	Kim sinh thiết tủy xương	Thân kim bằng thép không gỉ có đánh dấu chiều sâu thâm nhập (mỗi vạch 1 cm). Báng kim màu hồng, bằng nhựa, có đầu kết nối với xilanh hút. Kim hình chữ T giúp thao tác dễ dàng. Một bộ bao gồm: Troca, kim lấy sinh thiết, kim đánh dấu và nắp an toàn. Kích thước: 8, 11, 13G. Chiều dài: 100, 150mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE.	Cái	40
304	Kim chọc dò gây tê đám rối thần kinh	Kim G22 dài 50mm, cách điện, thân kim có chia vạch Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc Dùng được với máy kích thích thần kinh Stimuplex. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.200

305	Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ	<p>Kim gây tê tủy sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ : 14G->27G (tối thiểu có các cỡ 18,20,22,25,27G), đường kính ngoài từ 2.10mm-0.40mm, chiều dài từ 1 1/2" (38mm) đến 6.0" (150mm) tối thiểu có cỡ 3 1/2" (90mm). Mặt vát chính 16 ± 1 độ, 2 mặt vát bên 35 ± 4 độ - Vật liệu: Kim và nòng kim thép không gỉ, chuôi kim Polycarbonate, chuôi nòng kim Polypropylene, cánh cảm Polypropylene - Thiết kế: Đầu kim vát kiểu "Quicke" 3 mặt vát; Chuôi kim trong suốt đảm bảo phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra, chuôi của nòng kim mã hóa màu theo kích cỡ, cánh lớn có thể tháo rời để kiểm soát tốt hơn. - Thân kim có vạch đánh dấu, mặt vát hướng xiên thuận tiện cho người dùng - Tiệt trùng EO, không độc hại, không pyrogenic - TCCL: ISO 13485 hoặc CE 	Cái	4.800
	Kim châm cứu			
	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần	<p>Kim châm cứu dạng vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân kim làm bằng thép không gỉ, dẫn điện tốt, có độ dẻo tốt, không có vết nứt, đứt gãy, chia lớp. - Cán kim: cán sắt - Bề mặt kim trơn nhẵn, sạch, không có tạp chất. - Đầu kim tròn, sắc, không có gờ, móc, không có lỗi. - Kích thước: đường kính kim 0.30 mm, độ dài kim từ 13mm đến 75 mm. <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	150.000
	Găng tay			
	Găng phẫu thuật tiệt trùng	<p>Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6/1/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 7 1/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm², mức độ nhiễm tính điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. TCVN 6344 (ISO 10282:2014). Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.</p>	Đôi	75.000
308	Găng tay dài sản khoa	<p>Sản xuất từ mù cao su thiên nhiên chất lượng cao, có phủ bột chống dính. Dài 490mm+-10 Tay trái, tay phải riêng biệt. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Đôi	300
309	Găng tay khám y tế	<p>Làm từ cao su tự nhiên, có phủ bộtMàu sắc: Màu trắng cao su tự nhiênMục đích sử dụng: Y tế (trừ giải phẫu), nha khoa, vệ sinh, công nghiệp, khách sạn, mỹ phẩm, thực phẩm,Thiết kế và đặc tính: Sử dụng được cả hai tay (không phân biệt trái, phải), nhám đầu ngón tay, cổ tay cuộn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Đôi	660.000
310	Găng tay không bột	<p>Làm từ cao su tự nhiênMàu sắc: Màu trắng cao su tự nhiênMục đích sử dụng: Y tế (trừ giải phẫu), nha khoa, vệ sinh, công nghiệp, khách sạn, mỹ phẩm, thực phẩm,Thiết kế và đặc tính: Sử dụng được cả hai tay (không phân biệt trái, phải), nhám đầu ngón tay, cổ tay cuộn. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	16.000

		đương		
	Túi, lọ và vật tư bao gói khác			
311	Bao đo lượng máu sau sinh	Được làm bằng nhựa PE nguyên sinh có màu trong suốt, đã tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.500
312	Lọ lấy mẫu vô trùng có nắp	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55ml. Đã tiệt trùng * Kích thước: chiều cao 60mm, đường kính 35mm. * Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. * Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	12.000
313	Túi camera	Sản phẩm được làm bằng nylon, có dây bằng cotton Kích thước: - Túi nylon 9x14cm. - Ống nylon 18x230cm - Dây buộc 2mm Được tiệt trùng bằng khí EO Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3.500
314	Túi dẫn lưu	Túi PVC, thể tích 2000ml có chia vạch, vô trùng. Đám bảo kín không rò rỉ. Van kéo đẩy. Kích thước túi: chiều dài 248 ± 5mm, chiều rộng 175mm ± 5mm, dày 2 lớp ≥ 0.22mm. Kích thước ống dây: dài 900 ± 20mm, đường kính ngoài 6 ± 0.5mm, đường kính trong ≥ 3.5mm. Các mối nối chịu được lực 40N trong 15s tĩnh. Có van chống trào ngược. Đạt TC ISO 13485:2016, EC	Sợi	11.000
315	Túi đựng máu đơn 350ml	* Túi máu dùng để thu thập máu với thể tích 250ml, có chứa 35ml chất chống đông CPDA-1, bảo quản máu toàn phần phân trong 35 ngày * Kim lấy máu kích thước 16G được tiệt trùng, * 1 dây lấy máu toàn phần dài 1100 ± 50mm, trên dây có 14 đoạn mã. * Thiết kế túi máu bo tròn. TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu	Cái	50
316	Túi ép dẹp nhiệt độ cao (15cmx200m)	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy: có độ bền cơ học cao, đảm bảo 100% vi khuẩn không xâm nhập vào bên trong bao gói sau 1 lần tiệt khuẩn. Màng film hai lớp: PET/CPP dày 52 µm. Kích thước 15cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA	Cuộn	60
317	Túi ép dẹp nhiệt độ cao (20cmx200m)	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy: có độ bền cơ học cao, đảm bảo 100% vi khuẩn không xâm nhập vào bên trong bao gói sau 1 lần tiệt khuẩn. Màng film hai lớp: PET/CPP dày 52 µm. Kích thước 20cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA	Cuộn	12
318	Túi ép dẹp nhiệt độ cao (25cmx200m)	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy: có độ bền cơ học cao, đảm bảo 100% vi khuẩn không xâm nhập vào bên trong bao gói sau 1 lần tiệt khuẩn. Màng film hai lớp: PET/CPP dày 52 µm. Kích thước: 25cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA	Cuộn	24

319	Túi ép dẹp nhiệt độ cao (30cmx200m)	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy: có độ bền cơ học cao, đảm bảo 100% vi khuẩn không xâm nhập vào bên trong bao gói sau 1 lần tiệt khuẩn. Màng film hai lớp: PET/OPP dày 52 µm. Kích thước: 30cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA	Cuộn	48
320	Túi ép dẹp dùng máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (30cmx70m)	Cấu tạo gồm: Lớp Tyvek 2FS và Lớp Film trong suốt (PET/PE) dày 60µm. Chỉ thị hóa học với phương pháp tiệt khuẩn bằng khí EO, Plasma và FORM. Kích thước: 300mm x 70m Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO11607 và EN 868-5	Cuộn	36
321	Túi ép tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (10cmx70m)	Cấu tạo gồm: Lớp Tyvek 2FS và Lớp Film trong suốt (PET/PE) dày 60µm. Chỉ thị hóa học với phương pháp tiệt khuẩn bằng khí EO, Plasma và FORM. Kích thước: 100mm x 70m Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO11607 và EN 868-5	Cuộn	3
322	Túi ép tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (15 mmx70m)	Cấu tạo gồm: Lớp Tyvek 2FS và Lớp Film trong suốt (PET/PE) dày 60µm. Chỉ thị hóa học với phương pháp tiệt khuẩn bằng khí EO, Plasma và FORM. Kích thước: 150mm x 70m Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO11607 và EN 868-5	Cuộn	12
323	Túi ép tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (20cmx70m)	Cấu tạo gồm: Lớp Tyvek 2FS và Lớp Film trong suốt (PET/PE) dày 60µm. Chỉ thị hóa học với phương pháp tiệt khuẩn bằng khí EO, Plasma và FORM. Kích thước: 200mm x 70m Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO11607 và EN 868-5	Cuộn	24
324	Túi ép tiệt khuẩn nhiệt độ thấp (25cmx70m)	Cấu tạo gồm: Lớp Tyvek 2FS và Lớp Film trong suốt (PET/PE) dày 60µm. Chỉ thị hóa học với phương pháp tiệt khuẩn bằng khí EO, Plasma và FORM. Kích thước: 250mm x 70m Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, ISO11607 và EN 868-5	Cuộn	24
325	Túi hậu môn nhân tạo	"Túi HMNT 1 mảnh 2 in 1 (có than HT kẹp liền) Đế dán hydrocolloid, sử dụng hàng ngày, vòng cắt tối đa 60mm, kẹp liền, tấm rửa hàng ngày" Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Túi	120
XV	Ông thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter			
	Ông thông			
326	Canuyn mayo	Ông thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí ETO phù hợp với tiêu chuẩn ISO 11135:2007. Hạn sử dụng 5 năm. Đạt TC ISO 13485:2016, EC	Cái	1.400
327	Canuyn mở khí quản	Được làm bằng nhựa PVC không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đường mở tia X chảy dọc chiều dài ống. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các số từ 5,0 đến 9,0. Đạt TC ISO 13485:2016, EC	Cái	250

328	Dây máy thở dùng một lần có bể nước	<p>Bộ máy thở một lần dùng cho người lớn dài 1.8m, đường kính 22mm, gồm 2 bể nước, nút nối chữ Y có công trích khí lấy mẫu. Sử dụng được cho cả máy thở và máy thở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây làm từ vật liệu PE, không chứa cao su, không chứa PVC hoặc DEHP. - Trở kháng đường thở vào/thở ra tại mức 60L/phút <1.8mbar, tại 30L/phút <0.5mbar; tại 15L/phút <0.2mbar; tại 5L/phút <0.1mbar, tại 2.5L/phút <0.1mbar. - Độ giãn nở tại 60mbar <2.5mL/mbar; tại 30mbar <2.6mL/mbar. - Mức độ hở khí tại 60mbar <50mL/phút. 	Bộ	1.000
329	Dây máy thở Silicon người lớn	<p>Được làm bằng Silicon, cấu hình bao gồm: 4 đoạn dây dài 60 cm, 02 bể nước, 01 đoạn dây dài 45 cm, 01 nút chữ Y, 02 nút thẳng 22M-22M. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Bộ	5
330	Dây máy thở Silicon trẻ em	<p>Được làm bằng Silicon, cấu hình bao gồm: 4 đoạn dây dài 60 cm, 02 bể nước, 01 đoạn dây dài 45 cm, 01 nút chữ Y, 02 nút thẳng 15M-22M. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Bộ	11
331	Dây thở oxy 2 nhánh	<p>Dây thở oxy chất liệu PVC y tế cao cấp, ống dây mềm, chống vặn xoắn, bề mặt trơn nhẵn, không bị ảnh hưởng bởi oxy hay thuốc trong điều kiện sử dụng bình thường. Dài 2 mét. Tiệt trùng bằng khí Ethylene. Đầu thở mềm, 2 ống thẳng đưa vào mũi. Đạt TC ISO 13485:2016, EC</p>	Cái	16.000
332	Fogarty catheter các số	<p>Catheter loại bỏ máu đông trong quá trình mổ thuyên tắc tắc động mạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% silicone, Không latex. - Bóng không bị phân mảnh, tích hợp stylet linh hoạt, đầu mềm, có cân quang, có vạch đánh dấu, kèm bơm tiêm 3ml <p>Kích cỡ: Mã hóa màu nhận dạng theo các cỡ. Chiều dài 60cm cho cỡ 2F và 80cm cho các cỡ 3 -> 7F. Đường kính bóng cho 2F là 4mm, 3F là 5mm, 4F là 9mm, 5F là 11mm, 6F là 13mm, 7F là 14mm. Thể tích bóng 2F là 0.05cc, 3F là 0.10cc, 4F là 0.50cc, 5F là 0.75cc, 6F là 1.25cc, 7F là 2.0cc</p> <p>* Tiêu chuẩn ISO, CFG được cấp bởi FDA</p>	Cái	20
333	Dây dẫn đường cứng	<p>Dây dẫn đường làm bằng chất liệu thép không gỉ, phủ PTFE. Một đầu cứng, một đầu linh hoạt. Màu xanh đậm. Có dạng đầu thẳng. Chiều dài: 150cm. Kích thước: 0,032"/0,035"/0,038". Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Túi 1 cái.</p>	Cái	200
334	Dây dẫn đường mềm	<p>Dây dẫn đường làm bằng Nitinol, phủ Hydrophilic. Một đầu cứng, một đầu linh hoạt. Màu đen. Có dạng đầu thẳng. Chiều dài: 150cm. Kích thước: 0,035"/0,035". Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	100
335	Ống nội khí quản	<p>Được làm từ nhựa PVC cao cấp, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 2.5 - 10.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC.</p>	Cái	4.500

336	Ông nội khí quản lò xo các cỡ	Ông nội khí quản trong suốt bằng PVC, không chứa DEHP. Có Stylet đi kèm Ông có lò xo bằng thép không rỉ, chống gập, có cân quang hiện thị dưới tia X. Có bóng loại thể tích lớn, áp lực thấp Các size từ 3.0 – 10.0 Đóng gói tiệt trùng EO	Cái	50
337	Sond Betze	Được làm từ mù cao su tự nhiên, bao gồm ống thông, phễu thoát nước, phễu thổi, phễu rửa, bóng và van. Kích cỡ từ 14 Fr đến 36 Fr. Chiều dài ống: 400 ± 10 mm. Tốc độ dòng chảy ≥ 100 ml/phút với các số từ 16Fr. Sử dụng một lần, tiệt trùng bằng khí EO. Đạt TC ISO 13485:2016, EC	Cái	50
338	Sond hút nhớt	Chất liệu PVC y tế cao cấp, đầu nối có thể điều khiển bằng ngón tay. Ông nhựa mềm dài 50 cm, đầu cuối ống trơn nhẵn có 2 lỗ không đối xứng để tăng hiệu quả máy hút. Các số khác nhau có màu co nối khác nhau từ 5Fr - 18Fr. Thiết kế đầu nối sao cho có hay không có điều khiển bằng ngón tay vẫn hút được. Đã tiệt trùng. Đóng gói 1x600 cái/thùng. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	Cái	8.000
339	Sonde chữ T	Làm bằng cao su tự nhiên, mạ Silicon. Được sử dụng để thông túi mật. Bộ phận kết nối có đường kính lớn hơn các bộ phận khác. Kích cỡ: Fr-10-Fr-26. Đóng gói túi Blister Bag. 200 chiếc/carton, kích thước 49.5x37x34cm. Đạt TC ISO 13485:2016, EC	Cái	100
340	Sonde dạ dày	Ông thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	4.000
341	Sonde dẫn lưu silicon các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dày mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài 396mm. Được tiệt trùng bằng EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.100
342	Sonde Foley 2 nhánh	Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon. Có các cỡ 12-26Fr/ch. Chiều dài 390± 10mm. Thể tích bóng chèn: 30cc. Đóng gói 10 cái/hộp. Có chất siêu bôi trơn giúp giảm đau và kích ứng niệu đạo cho Bệnh nhân. Van mềm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	6.000
343	Sonde Foley 3 nhánh	Nguyên liệu: Cao su không độc tố được tráng silicon. Cấu tạo 3 nhánh. Tốc độ dòng chảy cao để tối đa hóa khả năng tưới, thoát nước. Độ mờ của lòng ống bên trong cho phép theo dõi sự thoát nước của ống thông. Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. Van cứng. Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gamma. Đóng gói 2 lớp chắc chắn. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	Cái	900
344	Sonde hậu môn các cỡ	Dây dẫn dài ≥400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dây mềm, trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được lọc hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. - Các số: 22,24,26,28. - Sản phẩm được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	900

345	Sonde hút nhớt các cỡ (có van kiểm soát)	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm gồm 02 phần: Khoá van và dây dẫn. Dây dẫn sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	26.000
346	Sonde JJ	Chất liệu Bằng Polyurethane hoặc cao cấp hơn. Bao gồm: Xông (sonde), que đẩy, chỉ rút xông. Thời gian đặt lưu trong cơ thể ≥ 30 ngày. Có các kích thước: 4,7 + 8Fr. Chiều dài: ≥ 15 cm. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.000
347	Sonde Nelaton	Được làm bằng chất liệu cao su thiên nhiên mềm dùng trong y tế, có màu đỏ, có phủ silicon, tròn đều Có thiết kế 1 nhánh dùng để thông tiểu hiệu quả và nhanh chóng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	2.800
	Ống dẫn lưu, ống hút			
348	Ống dẫn lưu qua da có khoá	"1. Ống (catheter) dẫn lưu bằng polyurethane chống xoắn, có lớp phủ hydrophilic, đầu pigtail, có nhiều lỗ dẫn lưu (6 lỗ cơ bản và các lỗ bên có thể thêm vào), một đầu có khoá luer-lock được đăng ký bản quyền US. 2. Kích thước: 6F, 7F, 8.5F, 10.2F, 12F, 14F, 16F tương thích dây dẫn từ 0.035"-0.038", tùy chọn các cỡ chiều dài 25-30-40cm 3. Bộ dẫn lưu đa chức năng (thận, đường mật, chọc dò áp xe) bao gồm các linh kiện: 1 ống dẫn lưu đa chức năng, 1 trocar stylet đầu nhọn, hỗ trợ xuyên qua da, 1 cannula gia cố SUS, 1 cannula gia cố PC, chỉ khâu khoá, nút khoá, vạch đánh dấu, chìa khoá, 1 cánh bướm cố định 4. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	20
349	Dẫn lưu áp lực âm loại 200ml	Bao gồm: Bình áp lực 3 lít xo dung tích 200ml, dây PVC, kết nối chữ Y, dây xả và trocar. Bình áp lực 3 lít xo được thiết kế chống xẹp tối thiểu. - Sản phẩm được đóng gói 2 lớp giúp đảm bảo vô khuẩn khi dùng trong phòng mổ. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO.	Cái	1.000
350	Dẫn lưu áp lực âm loại 400ml	Bao gồm: Bình áp lực 3 lít xo dung tích 400 ml, dây PVC, kết nối chữ Y, dây xả và trocar. Bình áp lực 3 lít xo được thiết kế chống xẹp tối thiểu. - Sản phẩm được đóng gói 2 lớp giúp đảm bảo vô khuẩn khi dùng trong phòng mổ. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO.	Cái	500
351	Ống faucher rửa dạ dày	Được làm bằng được làm bằng cao su tự nhiên	Bộ	5
352	Ống hút điều kinh	Ống nhựa trong, mềm dẻo. Có 1 đầu bo tròn có đục lỗ. Kích thước: có các số 4 (φ 4mm), 5 (φ 5mm), 6 (φ 6mm) - chiều dài 22 cm. Chất liệu: nhựa PE chính phẩm, trắng trong, trơn láng không có cạnh bén. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	300

	Ông nói, dây nói, chạc nói			
353	Khóa ba chạc có dây nói	<p>Khóa 3 đường phù hợp với các yêu cầu cần thiết của các tiêu chuẩn MDD 93/42/EEC. Có 2 lỗ thông trong và 1 lỗ thông ngoài. Có van bấm khi dừng chính xác tại mỗi vị trí để đảm bảo độ chính xác Quay 360 độ. Có nắp, có vỏ và khóa xoay. Khí nén: lên tới 0.6kgf/15 giây</p> <p>Khí hydro tinh: lên tới 1.5kgf/5 phút</p> <p>Khối lượng khoảng không chết: ≤0.1ml</p> <p>Mô men xoắn: ≤0.15N.m Tỷ lệ dòng chảy: ≥198ml/min. Kèm dây nói dài 25cm hoặc 10cm, chống lipid, kích thước I.D 1.0mm, O.D 2.0mm. Tiệt trùng. Hộp 40 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC .</p>	Cái	8.500
354	Co nói chữ Y	Cút nói chữ Y. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	30
	Catheter			
355	Catheter dạ dày (fortune gastrostomy catheter)	<ul style="list-style-type: none"> • 100% silicone y tế, tương thích sinh học. Thời gian lưu 29 ngày • Độ mềm phù hợp và tính linh hoạt, thoải mái cho bệnh nhân. • Đầu tù (thuôn) để chèn dễ dàng. • Đánh dấu độ sâu để xác nhận vị trí (có 10 điểm đánh dấu trên thân ống 45, 50, 55, 60, 65, 70, 75, 80, 85, 90 cho cỡ 16Fr-18Fr). Có đường cân quang màu xanh chày dọc ống • Nắp kèm theo để đậy kín an toàn. • Đóng gói tiệt trùng kép <p>Kích cỡ từ 4Fr đến 20Fr. Chiều dài 400mm (4Fr-6Fr); 800mm (8Fr-10Fr); 1200mm (12Fr-20Fr)</p> <p>* TCCL: ISO hoặc CE</p>	Ông	30
356	Catheter gây tê ngoài màng cứng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kim đầu cong Touhy 18G (OD 1.3mm, ID 1.0mm), dài 80mm, có cánh lớn (14mm x 40mm), thân có vạch đánh dấu chiều dài. 2. Bơm tiêm giảm kháng lực LOR 10ml, không latex 3. Catheter dài 915mm (OD 0.9mm), có vạch đánh dấu chiều dài <p>+ Vật liệu PEBA (Polyether Block Amide), kết hợp 2 chất liệu là polyether và polyamide, giúp dễ luồn, giảm tổn thương màng cứng</p> <p>+ 3 lỗ bơm thuốc ở cạnh bên, đặt so le và cách nhau 4mm</p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Đầu nối EpiFuse màu vàng, dạng phẳng, chốt đóng mở nằm bên trong đầu nói. 5. Lọc với màng lọc hydrophilic 0.2µm. 6. Co nhựa dẫn đường cho catheter trong kim Touhy. <p>* Tiệt trùng EO, không latex.</p>	Bộ	1.000
357	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 lòng	<p>Kích thước 14G x 20cm, lưu lượng dòng 120ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37 ° C, tính tương hợp cao. Một bộ bao gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang rõ nét, 1 Kim dẫn đường chữ Y, cỡ 18GA, Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x60cm, có nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol) đầu chữ J, Ống nông cỡ 8Fr, 1 bơm tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ, 1 kẹp, 1 kim tiêm nhỏ, 1 tếp chỉ. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016, CE.</p>	Cái	35

358	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Kích thước 7Fr x 20cm, lưu lượng các nòng Distal: 85ml/min, Proximal: 45ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37 ° C, tính tương hợp cao .Một bộ bao gồm : Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang rõ nét ,1 Kim dẫn đường chữ Y , cỡ 18GA , Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x60cm, nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol) đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr ,1 bom tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ ,1 Kẹp, 1 kim tiêm nhỏ . Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, CE.	Cái	200
359	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	1. Kích thước 7Fr x 20cm, lưu lượng các nòng Distal: 52ml/min, Proximal: 26ml/min, Midal: 26ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37 ° C, tính tương hợp cao . Một bộ bao gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, đường cân quang rõ nét. Kim dẫn đường chữ Y , cỡ 18GA , Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x60cm, nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol), đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr, 1bom tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ, 1 kẹp giúp cố định ống Catheter, 1 kim tiêm nhỏ, 1 kẹp chỉ phẫu thuật. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016, CE	Cái	900
360	Bộ đo (theo dõi) huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn được làm từ vật liệu Polymer y tế cao cấp, có khả năng tương thích sinh học tiên tiến, cấu trúc sản phẩm đảm bảo an toàn. Chíp nhạy, truyền dữ liệu chính xác. Phù hợp với tất cả các loại cath - Điện áp kích thích cảm biến: 1 ~ 6V; - Tần số điện áp kích thích: 5 KHz; - Trở kháng đầu vào cảm biến: 300Ω ~ 400Ω; - Trở kháng đầu ra của cảm biến: 285Ω ~ 315Ω; - Dung sai quá áp: -400 mmHg ~ +6462,5 mmHg Tiêu chuẩn: ISO, EC	Bộ	800
XVI	Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật Chỉ khâu			
361	Chỉ choromic catgut số 1	Chỉ tiêu Catgut Chromic số 1, chỉ dài 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 40 mm. Là chỉ tự tiêu được cấu tạo từ muối Chrom và collagen có nguồn gốc từ bò hoặc ruột cừu. Chỉ vẫn còn sức căng sau 21 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 52 đến 76 ngày. Khi sử dụng trong tổ chức mô đã bị nhiễm trùng hoặc tổ chức mô có nhiều Proteolytic enzyme (như dạ dày, cổ tử cung, âm đạo) thì chỉ sẽ tự tiêu nhanh hơn. Chỉ có màu nâu đen và khả năng gây dị ứng trung bình. ISO 13485:2016; EC; FDA	sợi	96
362	Chỉ khâu mắt Nylon 10/0	Chỉ khâu mắt sợi nylon Nylon 10-0 màu đen, dài 30 cm. Hai kim tiết diện hình thang chiều dài 6.2 mm, đường kính 0,15mm, độ cong 3/8. . Đồng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Sợi	72
363	Chỉ lanh	100% bằng sợi cotton	Cuộn	25

364	Chi nylon 2/0	Chi nylon không tiêu số 2/0, chỉ dài 75cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26 mm. Là Chi đơn sợi, không tiêu, tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Chỉ có hai màu xanh và đen (Chỉ màu xanh được sử dụng để khâu da, phẫu thuật tổng hợp, dạ dày, sản khoa, phụ khoa, phẫu thuật tạo hình và chỉnh hình); Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Sợi	3.600
365	Chi nylon 3/0	Chi nylon không tiêu số 3/0, chỉ dài 75cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 24 mm. Là Chi đơn sợi, không tiêu, tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Chỉ có hai màu xanh và đen. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Sợi	6.000
366	Chi nylon 4/0	Chi nylon không tiêu số 4/0, chỉ dài 75cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 19 mm. Thành phần được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Chỉ có hai màu xanh và đen (Chỉ màu xanh được sử dụng để khâu da, phẫu thuật tổng hợp, dạ dày, sản khoa, phụ khoa, phẫu thuật tạo hình và chỉnh hình). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Tép	6.000
367	Chi nylon 5/0	Chi nylon không tiêu số 5/0, chỉ dài 75cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 16 mm. Thành phần polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Chỉ có hai màu xanh và đen (Chỉ màu xanh được sử dụng để khâu da, phẫu thuật tổng hợp, dạ dày, sản khoa, phụ khoa, phẫu thuật tạo hình và chỉnh hình). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Sợi	2.400
368	Chi nylon 6/0	Chi không tan tổng hợp nylon số 6/0 thành phần polyamide 6.0 hoặc 6.6 dài 75m kim tam giác 3/8C dài 12mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Sợi	1.800
369	Chi nylon số 1	Chi không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 1 75cm kim tam giác 3/8C 40mm. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE	Sợi	360
370	Chi Polypropylen số 3/0	Chi không tiêu Polypropylene số 3/0, sợi chỉ dài 90cm-màu xanh. Là Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Gồm 2 kim, kim dài 26mm, 1/2 vòng tròn, kim tròn đầu cắt taper, chất liệu thép không gỉ chất lượng cao với bề mặt sợi chỉ mượt và mịn để dàng xuyên qua các tổ chức mô và có khả năng có định vết thương lâu. Chỉ màu xanh lam và khả năng gây dị ứng rất thấp. Đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chứng chỉ ISO, EC, FDA.	Sợi	180
371	Chi Polypropylen số 4/0	Chi không tiêu Polypropylene số 4/0, sợi chỉ dài 90cm-màu xanh. Là Chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Gồm 2 kim, kim dài 22mm, 1/2 vòng tròn, kim tròn đầu cắt taper, chất liệu thép không gỉ chất lượng cao với bề mặt sợi chỉ mượt và mịn để dàng xuyên qua các tổ chức mô và có khả năng có định vết thương lâu. Chỉ màu xanh lam và khả năng gây dị ứng rất thấp. Đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chứng chỉ ISO, EC, FDA.	Sợi	120

372	Chỉ Polypropylen số 6/0	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene. Chỉ số 6/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 13mm, kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim SURGALLOY (chất liệu gồm 12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti, Molybdenum, Fe vừa đủ), kim được bao phủ với công nghệ NuCoat và phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim, công nghệ khoan laser và cơ khí giúp hạn chế tình trạng tuột kim ra khỏi sợi chỉ. Lực khỏe của chỉ không có sự thay đổi đáng kể khi lưu giữ trên invivo.	Sợi	240
373	Chỉ Polypropylen số 7/0	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene. Chỉ số 7/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt 9mm, kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim SURGALLOY (chất liệu gồm 12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti, Molybdenum, Fe vừa đủ), kim được bao phủ với công nghệ NuCoat và phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim, công nghệ khoan laser và cơ khí giúp hạn chế tình trạng tuột kim ra khỏi sợi chỉ. Lực khỏe của chỉ không có sự thay đổi đáng kể khi lưu giữ trên invivo. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Sợi	444
374	Chỉ thép	Chỉ thép cuộn không kim dài ≥ 50 m	Cuộn	20
375	Chỉ tiêu đa sợi Polyglycolic acid số 1	Chỉ tự tiêu Polyglycolic Acid số 1, (90cm-màu tím) . Kim tròn dài 40mm cong 1/2. Tiệt trùng Polyglycolic Acid, thành phần gồm 100% Glycolide. Bề mặt sợi chỉ được tráng 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate . Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau 14 ngày cấy ghép sức căng còn khoảng 84% và sau 28 ngày sức căng còn 23%. Chỉ sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày . Chỉ có 2 loại màu tím và không màu, khả năng gây dị ứng rất thấp. Chỉ đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chứng chỉ ISO, EC, FDA.	Sợi	9.300
376	Chỉ tiêu đa sợi Polyglycolic acid số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglycolic acid số 2/0, chỉ dài 70 cm. Kim tròn, kim dài 26 mm, độ cong 1/2, vòng tròn. Là loại Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, tiệt trùng, thành phần gồm 100% Glycolide. Bề mặt sợi chỉ được tráng 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau 14 ngày cấy ghép sức căng của chỉ còn khoảng 84% và sau 28 ngày sức căng còn 23%. Chỉ sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Chỉ đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có 2 loại màu tím và không màu, khả năng gây dị ứng rất thấp. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC; FDA.	Sợi	5.700
377	Chỉ tiêu đa sợi Polyglycolic acid số 3/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 3/0, (75cm- màu tím) . Kim tròn dài 26mm cong 1/2. Thành phần gồm 100% Glycolide. Bề mặt sợi chỉ được tráng 1 lớp tổng hợp Polyglycaprolactone và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau 14 ngày cấy ghép sức căng của chỉ còn khoảng 84% và sau 28 ngày sức căng còn 23%. Chỉ tự tiêu hoàn toàn trong 60 đến 90 ngày. Chỉ có 2 loại màu tím và không màu, khả năng gây dị ứng rất thấp. Chỉ đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chứng chỉ ISO, EC, FDA.	Sợi	1.800

378	Chi tiêu đơn sợi Glyconate số 3/0	<p>Chi tiêu tiêu chậm đơn sợi thành phần polyglyconate. Chi số 3/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim SURGALLOY (chất liệu gồm 12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti, Molybdenum, Fe vừa đủ), kim được bao phủ với công nghệ NUCoat và phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim, công nghệ khoan laser và cơ khí giúp hạn chế tình trạng tuột kim ra khỏi sợi chỉ. Lực căng chỉ giữ lại khoảng 80% lực kéo ban đầu ở 1 tuần, 75% sau 2 tuần và 65% sau 3 tuần, 50% ở tuần thứ 4 và 25% ở tuần thứ 6 sau khi cấy ghép</p>	Gói	1.200
379	Chi tiêu đơn sợi Glyconate số 4/0	<p>Chi tiêu tiêu chậm đơn sợi thành phần polyglyconate. Chi số 4/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 20mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim SURGALLOY (chất liệu gồm 12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti, Molybdenum, Fe vừa đủ), kim được bao phủ với công nghệ NUCoat và phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim, công nghệ khoan laser và cơ khí giúp hạn chế tình trạng tuột kim ra khỏi sợi chỉ. Lực căng chỉ giữ lại khoảng 80% lực kéo ban đầu ở 1 tuần, 75% sau 2 tuần và 65% sau 3 tuần, 50% ở tuần thứ 4 và 25% ở tuần thứ 6 sau khi cấy ghép</p>	Sợi	660
380	Chi tiêu nhanh Polyglycolic acid số 2/0	<p>Chi tiêu tổng hợp đa sợi polyglycolic acid số 2/0, chỉ dài 90cm. Kim tam giác, kim dài 37 mm, độ cong 1/2 vòng tròn. Là loại chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, tiết trùng, thành phần gồm 100% Glycolide. Bề mặt sợi chỉ được tráng 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau 14 ngày cấy ghép sức căng của chỉ còn khoảng 84% và sau 28 ngày sức căng còn 23%. Chỉ sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Chỉ đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Châu Âu và Mỹ. Chỉ có 2 loại màu tím và không màu, khả năng gây dị ứng rất thấp. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC; FDA.</p>	Sợi	4.500
381	Chi tiêu Polyglactine 910 số 4/0	<p>Chi tiêu Polyglactine 910 số 4/0, chỉ dài 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 17 mm. Là loại chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, tiết trùng, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi một lớp tổng hợp của Poly(glycolid-co-Lactide) và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau hai tuần cấy ghép sức căng của chỉ còn khoảng 75% và sau bốn tuần còn 25%. Chỉ sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 72 ngày. Chỉ đáp ứng tiêu chuẩn của chuyên khoa Dược phẩm Mỹ. Chỉ có hai màu tím và không màu, khả năng gây dị ứng rất thấp. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC; FDA</p>	Sợi	1.500
382	Chi tiêu Polyglactine 910 số 5/0	<p>Chi tiêu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chi số 5/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn 17mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Loại kim 455 (chất liệu gồm 11-12,5% Chrome, 7,5-9,5% Nickel, 1,5-2,5% Cu, 0,8-1,4% Ti, Molybdenum, Fe vừa đủ), kim được bao phủ với công nghệ NUCoat và phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim, công nghệ khoan laser và cơ khí giúp hạn chế tình trạng tuột kim ra khỏi sợi chỉ. Sợi chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn được điện Mỹ, Lực căng giữ vết thương 80% sau 14 ngày, 30% sau 21 ngày. Chỉ tiêu hoàn toàn sau 56-70 ngày. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC; FDA</p>	Sợi	1.200

383	Chi tiêu Polyglactine 910 số 6/0	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chi số 6/0, dài 45cm, kim tròn đầu nhọn 12mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim SURGALLOY (chất liệu gồm 12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti, Molybdenum, Fe vừa đủ), kim được bao phủ với công nghệ NuCoat và phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim, công nghệ khoan laser và cơ khí giúp hạn chế tình trạng tuột kim ra khỏi sợi chỉ. Sợi chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn được điển Mỹ, Lực căng giữ vết thương 80% sau 14 ngày, 30% sau 21 ngày. Chỉ tiêu hoàn toàn sau 56-70 ngày. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC; FDA	Sợi	960
384	Chi tiêu Polyglactine 910 số 7/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L-Lactide và calcium stearate số 7/0 dài 45cm, 2 kim tiết diện hình thang (cutting spatula double armed) kim 1/2C dài 8mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 sợi cứng, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang, kim phủ silicone. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016; EC; FDA	Sợi	36
	Dao phẫu thuật			
385	Điện cực cắt u xơ tiền liệt tuyến (Ăng cắt tiền liệt tuyến)	Điện cực dạng vòng, loại đơn cực. Dùng cho máy STORZ. Dạng một chân, đầu ăng cắt nghiêng 30 độ. Kích thước 24Fr.	Cái	50
386	Lưỡi dao mổ	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiết trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất. Đóng gói 1x100 cái/hộp. TC ISO 13485:2016.	Cái	20.000
387	Tay dao cắt hàn mạch máu dùng trong phẫu thuật mổ mỡ	Tay dao hàn mạch mỡ nội soi hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37 cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (sử dụng cho máy Valleylab LS10 có tại Bệnh viện	Cái	40
388	Tay dao điện	Dùng cho máy đốt điện, máy cắt đốt. Tay dao cắt đốt 2 nút bấm, 3 chấu, sử dụng 1 lần. Đóng gói vô trùng, 1 bọc/ 1 cái.	Cái	2.500
XVII	Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo			
	Van nhân tạo, mạch máu nhân tạo			
389	Đoạn mạch nhân tạo chữ Y	Mạch máu nhân tạo chữ Y Gelweave Vasutek với công nghệ ngâm tẩm gelatin thủy phân độc đáo, không bị tình trạng thủng tổ ong, bền chắc với kiểu dệt chéo, cải tiến khả năng kiểm soát, giữ lại mũi khâu một cách chắc chắn. Ứng dụng trong việc thay thế động mạch chủ ngực - bụng. Có tối thiểu các loại Kích thước: 14mm x 7mm x 45cm, 16mm x 8mm x 45cm, 18mm x 9mm x 45cm, 20mm x 10mmx45cm	Cái	20
390	Đoạn mạch nhân tạo thẳng	Mạch nhân tạo thẳng (có xoắn)	Cái	10
391	Đoạn mạch nhân tạo thẳng (ePTFE)	Mạch máu nhân tạo thẳng chất liệu ePTFE thành tiêu chuẩn chiều dài 80cm	Cái	10
	Thủy tinh thể nhân tạo			

392	Thủy tinh thể 2 tiêu cự	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thủy tinh thể loại: mềm, 2 tiêu cự 2. Chất liệu: acrylic ngâm nước hoặc ky nước 3. Ngăn tia cực tím, ngăn ánh sáng xanh 4. Thiết kế kính theo công nghệ nhiễu xạ và khúc xạ: 5. Đường kính optic 6,0mm, càng chữ C 6. Chỉ số khúc xạ $\geq 1,44$ 7. Dải công suất từ +10D đến + 30D. Công suất cộng thêm +3.25D đến +3.75D cho thị lực nhìn gần, nhìn trung gian. 8. Di kèm cartridge và súng (hệ thống injector) sử dụng 1 lần 9. Kích thước mép mỏng $\leq 2,2\text{mm}$ <p>- Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	100
393	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự	<p>Chất liệu: Acrylic ưa nước, nhuộm chromophore. Ngăn tia cực tím, lọc ánh sáng xanh. Lắp sẵn trong cartridge và súng. Dải công suất từ $\leq 6D$ đến $\geq 30D$. Cấu tạo 1 mảnh, càng chữ C hoặc L đơn. Đường kính optic 6,0mm. Chỉ số khúc xạ $\geq 1,55$.</p> <p>Kích thước mép mỏng $\leq 2,2\text{mm}$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</p>	Cái	400
XVIII	Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa Bộ tim phổi nhân tạo ECMO trong hồi sức cấp cứu			
394	Phổi nhân tạo cấp cứu	<p>Diện tích màng lọc $\geq 2,5\text{m}^2$. Vật liệu màng lọc: Polymethylpentene. Diện tích trao đổi nhiệt: $0,22\text{m}^2$. Bộ phận trao đổi nhiệt: thép không gỉ. Tổng thể tích mỗi máu: 620ml . Áp lực hoạt động tối đa 1000 mmHg (133 kPa). Chiều dài dây dẫn: 1,7m. Lưu lượng tối đa: 7l/phút</p>	Bộ	4
395	Canuyl động mạch	<p>Canuyn động mạch. Đường kính: 16.5Fr. Chiều dài 15 cm. Cổng kết nối thẳng 3/8" đầu khóa. Bộ dụng cụ mở đường đi kèm bao gồm: kim lùn 18G, dây dẫn đường 80 cm đường kính 0.035", bơm tiêm 10ml, predilator 8Fr/12Fr dài 15cm, dao mổ dùng 1 lần.</p>	Cái	4
396	Canuyl tĩnh mạch	<p>Canuyn tĩnh mạch. Đường kính: 21Fr. Chiều dài 50 cm. Cổng kết nối thẳng 3/8" đầu khóa. Bộ dụng cụ mở đường đi kèm bao gồm: kim lùn 18G, dây dẫn đường 150cm đường kính 0.035", bơm tiêm 10ml, predilator 8Fr/12Fr dài 15cm, dao mổ dùng 1 lần.</p>	Cái	4
397	Phim X-quang các loại, các cỡ			
397	Phim X-quang (20x25)cm	Kích cỡ (20x25)cm. Tương thích với máy in phim khô Drypix	Phim	24.000
398	Phim X-quang (35x43)cm	Kích cỡ (35x43)cm. Tương thích với máy in phim khô Drypix	Phim	20.000
	Lọc máu, lọc màng bụng			

399	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn heparin	<p>Quả lọc kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) Chất liệu: - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) + Polyethylenimine (PEI) + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m²) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ mau: 100 - 450 ml/phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg</p> <p>Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn:</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG <p>Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide)</p> <p>Thông số kỹ thuật của quả lọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ mau: 70 - 400 ml/phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg 	Bộ	180
400	Quả lọc máu liên tục		Bộ	180
	Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt			
401	Dao mổ mỏng	Dao chuyên dụng trong phẫu thuật mỏng: Chất liệu lưới thép không rỉ, chống lửa, góc gập 45 độ, lưỡi tròn, đã tiệt trùng, để sẵn trong khay nhựa. Cán nhựa Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100
402	Dao mổ phaco 1.5 mm	Dao chuyên dụng tạo đường mổ phụ trong phẫu thuật Phaco: Chất liệu lưới thép không rỉ, chống lửa, thẳng 180 độ, mũi nhọn 15 độ, đã tiệt trùng, để sẵn trong khay nhựa. Cán nhựa	Cái	120
403	Dao mổ phaco 2.8mm	Dao chuyên dụng tạo đường mổ chính trong phẫu thuật Phaco: Chất liệu lưới thép không rỉ, chống lửa, góc 45 độ, rộng 2.8mm, đã tiệt trùng, để sẵn trong khay nhựa. Cán nhựa.	Cái	200
		- Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 hoặc tương đương		

404	Dịch nhày phân tử lượng cao	<p>Khối lượng phân tử: ≥ 3 triệu Daltons</p> <p>Độ thấm thấu ≥ 320 mOsmol/kg</p> <p>Độ nhớt ≥ 600.000 mPas</p> <p>Độ pH: 6.8-7.6</p> <p>Thể tích ≥ 0.85ml</p>	Ổng	350
405	Dịch nhày phân tử lượng thấp	<p>Thành phần: 2% Hydroxypropyl Methylcellulose</p> <p>Độ thấm thấu ≥ 250 mOsmol/kg</p> <p>Độ nhớt ≥ 3.000 mPas</p> <p>Độ pH: 6.0-8.0</p> <p>Thể tích ≥ 2ml</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485:2016</p>	Ổng	300
406	Nhuộm bao (Chất nhuộm màu Trypan blue)	<p>Thành phần: Trypan Blue 0,6 mg/ml (0.06%)</p> <p>Thể tích ≥ 0.75ml/ống</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Ổng	50
	Tiêu hóa			
407	Rọ lấy sỏi	<p>Tay cầm bằng nhựa, Ống được làm bằng PTFE. Rọ và dây được làm bằng Nitinol.</p> <p>Rọ có hình dạng Helical, Tipless, Flatwire, rọ có 4 dây, kích thước rọ: 3Fr, 4Fr.</p> <p>Chiều dài rọ: 70cm, 90cm, 120cm.</p>	Cái	200
	Chấn thương, chỉnh hình			
408	Áo cột sống	<p>Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và các nếp hợp kim nhôm thiết kế định hình và phân bố phù hợp theo tư thế điều trị. Dùng sơ cứu chấn thương cột sống, hỗ trợ sau phẫu thuật cột sống, bệnh lý cột sống như lao cột sống, xẹp các đốt sống. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	200
409	Bột bó 20 cm*365cm	<p>Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vó là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cuộn	3.500
410	Bột bó 15cm x 3,65m	<p>Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vó là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cuộn	5.000
411	Băng cố định khớp vai	<p>Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro được thiết kế theo tư thế điều trị, sử dụng trong trường hợp trật khớp vai, cố định sau mổ vùng khớp vai, gãy lõi cầu xương cánh tay, viêm khớp vai cấp và mãn tính. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	300
412	Nẹp chống xoay dài	<p>Làm từ thép nút, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot, khóa Velcro. Bàn nẹp hợp kim nhôm đàn hồi uốn cong theo độ cong của bàn chân và cẳng chân kết hợp với thanh nẹp hợp kim nhôm đặc biệt chịu lực tốt. Khuôn nhựa đúc theo tư thế điều trị. Sử dụng sau phẫu thuật, sau chấn thương cổ xương đùi, chống co đầu gối. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	200

413	Nẹp cổ cứng	Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	350
414	Nẹp cổ mềm	Làm từ mút xốp mềm, nhẹ và thoáng khí, vải, khóa Velcro. Dùng cho các trường hợp chấn thương nhẹ, hạn chế vận động. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	150
415	Nẹp gối	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và hệ thống thanh nẹp hợp kim nhôm được phân bố theo tư thế điều trị. Dùng sơ cứu cố định sau chấn thương, sau phẫu thuật khớp gối. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	400
XIX	Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác			
416	Ăng cây 1µl	Nguyên liệu nhựa ABS, đầu que cấy 1µl. Tiệt trùng bằng chiếu xạ tia gamma. Đóng gói túi 2 cái. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	4.000
417	Ăng cây 10µl	Nguyên liệu nhựa ABS, đầu que cấy 10µl. Tiệt trùng bằng chiếu xạ tia gamma. Đóng gói túi 2 cái. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5.000
418	Anti A	Kháng thể đơn dòng Anti A. Lọ ≥ 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	160
419	Anti AB	Kháng thể đơn dòng Anti AB. Lọ ≥ 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	160
420	Anti B	Kháng thể đơn dòng Anti B. Lọ ≥ 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	150
421	Anti D (IgM + IgG)	Đóng gói: Lọ ≥ 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	40
422	Băng ghim nội soi	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi công nghệ Tri-staple. Các cỡ băng ghim dài 30mm, 45mm, 60mm, 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim trước đập từ trong ra ngoài là: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm hoặc 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, sau khi đập là 0.88 - 1.5mm hoặc 1.5 - 2.25mm, ghim bằng Titan. Băng ghim khi lắp vào dụng cụ tương thích có thể bẻ góc 45 độ mỗi bên với 11 điểm gấp góc (5 điểm mỗi bên và điểm ở giữa). Cung cấp lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	30
423	Băng keo thử nhiệt hấp ướt	Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu sau khi qua tiệt khuẩn	Cuộn	100
424	Bao đo huyết áp	Dùng để thay thế trong máy đo huyết áp cơ	Cái	200
425	Bao đo huyết áp monitor	Loại 1 dây hoặc 2 dây Vòng bít 25cm-35cm (cho người lớn), chất liệu không chứa latex, dễ dàng làm sạch	Cái	10

426	Bộ hóa chất nhuộm PAS	<p>Bộ gồm 3 chai: Periodic acid 500ml; Schiff 500ml; Hematoxylin 500ml.</p> <p>Dung dịch Acid periodic 1% được sử dụng để oxy hóa các yếu tố mô phân ứng thành aldehyd trước khi xử lý bằng thuốc thử Schiff. Dùng một tác nhân oxy hoá là Acid periodic để phá vỡ mối liên kết của 2 nguyên tử C trong một số nhóm hoá học (các nhóm glycol 1 - 2, hydro 1. amino - 2, hydroxy - 1, alkylamino - 2 và hydroxyl - 1, ceto - 2) làm xuất hiện các nhóm aldehyt. Các nhóm aldehyt này nhìn thấy được nhờ phản ứng của thuốc thử Schiff (fuschin basic không màu bởi axit sulfureux) tạo thành chất có màu đỏ.</p> <p>- Tính chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch acid Periodic 1%, dạng lỏng, trong, không màu, không mùi - Độ hòa tan: Hòa tan trong nước. - Thành phần gồm có: Nước: >98%; Periodic Acid: <2% - Quy cách: Chai ≥ 500ml - ISO 13485 <p>Dung dịch Schiff: Sử dụng trong phản ứng tiêu chuẩn Acid-Schiff (PAS) cho chất nhầy trung tính, glycogen, màng đáy và thành tế bào nấm. Một kết quả dương tính tạo ra màu đỏ /</p> <p>- Tính chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch nhuộm Schiff dạng lỏng, trong, không màu hoặc vàng nhẹ, mùi đặc trưng, tan trong nước - Thành phần gồm có: Nước 98%; Hydrochloric Acid: <5%; Potassium Metabisulfite: ≤ 4; C.I. Basic red 9 monohydrochloride <1% - Quy cách: Chai ≥ 500ml - ISO 13485 <p>-Dung dịch Hematoxylin: tạo màu nhuộm xanh tím đậm. Nó thường được sử dụng trong các phương pháp nhuộm thường quy, nhưng cũng có thể được sử dụng cả trong chế phẩm mô học và tế bào học. Theo hướng cải thiện tính chọn lọc của nhuộm màu nhân, nó thường được sử dụng trong xét nghiệm tế bào học để chứng minh các tế bào ác tính và không ác tính. Dung dịch này không chứa oxit thủy ngân, và nhuộm nhanh trong 2-5 phút.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch màu tím đậm, không mùi - Tỷ trọng 1.04 - 1.06 g/cm³ (20 °C) pH: 2.5 (H₂O, 25 °C) - pH: 2.3-2.5 <p>- Thành phần gồm có: Nước, Hematoxylin, Muối Aluminium, Select Glycols, Select Acid, Chất bảo quản.</p> <p>Quy cách: Chai ≥ 500ml</p> <p>Tiêu chuẩn ISO13485</p>	Hộp	5
427	Bộ hút đờm kín	<p>Ông hút đờm kín 14Fr có 2 công. Một công súc rửa và một công truyền thuốc. Chiều dài ống đây là 54 cm. Đánh dấu độ sâu hút đờm đến 40cm. Được làm chất liệu PVC hoặc tương đương không gây kích ứng cho người sử dụng. Có đầu kết nối với máy hút đờm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	750

428	Bộ lấy đờm nhớt làm mẫu xét nghiệm	<p>Vật liệu PVC y tế cao cấp, không latex, không DEHP</p> <p>* Cấu tạo: 2 dây với 1 dây hút chính có van kiểm soát, 3 lỗ hút (2 lỗ bên) giúp hút nhanh hơn và chống tắc nghẽn, dễ kết nối với bơm hút.</p> <p>* Lò đựng mẫu có vạch chia thể tích, có thêm nắp vận để đóng lại sau khi hút, đảm bảo mẫu an toàn.</p> <p>* Lò đựng 25ml, Chiều dài dây hút dịch cho người lớn 12FG, 14FGx 55cm và trẻ em 6FG, 8FG, 10FG x 32cm. Chiều dài dây nối 47cm</p> <p>* Có cả loại 14F chuyên dụng trong nội soi.</p>	Cái	15
429	Bộ nhuộm Papanicolaou: - EA50	<p>Dung dịch nhuộm Papanicolaou EA-50, dạng lỏng, màu xanh, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước</p> <p>- Thành phần gồm có:</p> <p>- Ethyl Alcohol ~85%; Nước 5%; Isopropyl Alcohol ~4%; Methyl Alcohol ~4%; Muối Eosin Y disodium <3%; Phosphotungstic Acid <5%; Fast Green FCF <3%</p> <p>- Qui cách: chai 500ml</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	10
430	Bộ nhuộm Papanicolaou: - Orange-G6	<p>Dung dịch nhuộm Papanicolaou OG-6, dạng lỏng, màu cam, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước</p> <p>- Thành phần gồm có:</p> <p>- Ethyl Alcohol ~85%; Nước 5%; Isopropyl Alcohol ~4%; Methyl Alcohol ~4%; Phosphotungstic Acid <5%; Orange G <2%</p> <p>- Qui cách: chai ≥ 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	10
431	Clip cầm máu nội soi tiêu hóa các cỡ	<p>Kẹp cầm máu dùng một lần, dùng để cầm máu dạ dày, đại tràng, đánh dấu nội soi, đóng tổn thương đường tiêu hoá có kích thước nhỏ hơn 20.</p> <p>Đường kính ống ngoài 2,6mm. Phù hợp với ống soi có đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2,8 mm.</p> <p>Độ dài ngàm: 7,5mm hoặc 9 mm.</p> <p>Chiều dài làm việc: 1650mm hoặc 2300mm.</p> <p>Loại tay cầm lắp sẵn, xoay được.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>	Cái	220
432	Clip cầm máu titan	<p>Clip kẹp mạch máu titan cỡ ML. Clip hình chữ V có cấu tạo rãnh đặc biệt hình tim, ngăn ngừa vỡ mạch máu và chống tuột khi phẫu thuật. Cấu tạo vì giúp người dùng dễ dàng lấy clip. Cỡ ML: chiều rộng 5.33mm, chiều cao 7.51mm, chiều dài clip khi đóng 9.27mm. Đạt tiêu chuẩn FDA</p>	Cái	300
433	Clip kẹp mạch máu Polymer các cỡ	<p>Clip kẹp mạch máu polymer Hemolok, không tiêu, không dẫn điện, không ảnh hưởng đến CT, MRI hoặc X-ray</p> <p>Cơ chế khóa đầu clip an toàn với vấu tròn ngậm hàm chắc chắn, gấp mở linh hoạt, gai dọc thân clip chống trượt khi tiếp xúc với mạch máu.</p> <p>Cơ chế kẹp lạnh, không toả nhiệt, không gây hại các mô xung quanh. Có tối thiểu 02 cỡ L, XL trong các cỡ M, ML, L, XL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái	1.500

434	Đầu cân vàng 200ul	Đầu cân vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	80.000
435	Đầu cân xanh 1000ul	Đầu cân xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	20.000
436	Đè lưới gỗ	Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Tổng số năm men + mốc < 2.0 x 10 ¹ CFU/g; vi khuẩn hiếu khí < 2.0 x 10 ¹ CFU/g - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	30.000
437	Điện cực tim	Kích thước: 50mm, dạng hình tròn (dùng cho người lớn) Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Đầu giắc nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bên, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. Đóng gói: 30 cái/ gói	Đôi	46.000
438	Dung dịch Eosin Y	Dung dịch Eosin – Y - Eosin Y dung dịch nhuộm có chứa cồn - Tinh chất vật lý: - Dung dịch lỏng màu đỏ - Điểm chớp cháy: ~20 độ C - Độ hòa tan: Có thể hòa tan trong nước - Thành phần gồm có: - Ethyl Alcohol <75%; Nước <25%; Isopropyl Alcohol <5%; Methyl Alcohol <5%; Acetic Acid <5% - Qui cách: Lọ ≥ 500ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	10
439	Dung dịch Formol trung tính 10%	Formalin đậm trung tính 10% NBF là chất cố định mô học được sử dụng trong phòng thí nghiệm và chuẩn đoán In-vi-tro. - Dung dịch dạng lỏng, trong, ko màu, có đặc trưng của Formaldehyde, tan hoàn toàn trong nước - Thành phần gồm có: Nước >90%; Formaldehyde 3.5-4%; Methyl alcohol 1.0-1.5%; Sodium Phosphate, dibasic <1; Sodium Phosphate, monobasic <1% Qui cách: Can 3.8L (1 gallon). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	1.400

440	Dung dịch Hematoxylin	Dung dịch nhuộm hematoxyline harris, có màu tím violet, tan trong nước - Dung dịch này không chứa oxit thủy ngân, và nhuộm nhanh trong 2-5 phút. pH: 2,3-2,5 - Thành phần gồm có: - Ethyl Alcohol (3-5%); Isopropyl Alcohol <1%; Methyl Alcohol <1%; Acetic Acid; Muối Aluminium - Qui cách: Lọ 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lọ	10
441	Dung dịch nhuộm giemsa	Dung dịch Giemsa mẹ. Chai đựng tích ≥ 500ml Hóa chất dạng lỏng nhớt, màu trong đến vàng nhạt, mùi cồn nhẹ, tan trong nước. Sử dụng cho sự chuẩn bị các mẫu bệnh phẩm đông lạnh - Tính chất vật lý: - Dung dịch lỏng, nhớt, mùi cồn nhẹ, màu trong suốt và có thêm 4 màu bổ sung để tối ưu hóa hiệu quả cắt trong các phòng thí nghiệm. pH: 7-9 - Thành phần gốc có: Polyvinyl Alcohol: 5-15%; Polyethylene Glycol: 1-10% - Nước và các thành phần khác không gây kích ứng: 75-95% - Qui cách: Lọ ≥ 120ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Chai	20
442	Gel cắt lạnh/ chất nền phủ mẫu	Là một loại keo gắn khô nhanh với độ nhớt thấp sử dụng trong giải phẫu bệnh dùng để gắn lamên với lam kính. Bao gồm hợp chất dựa trên toluene. Nó hòa tan trong Xylene, Toluene và hầu hết các chất thay thế xylene. - Tính chất vật lý: chất lỏng không màu, mùi điển hình, Mật độ, g/cm3: 0,941 - Thành phần gồm có: Toluene: 50-75%, Acrylic copolymer: 25-50%, Butylated hydroxytoluene: 1-2.5%. - ISO 13485 - Qui cách: 118ml/lọ	Chai	5
443	Keo dán lamên	Là một loại keo gắn khô nhanh với độ nhớt thấp sử dụng trong giải phẫu bệnh dùng để gắn lamên với lam kính. Bao gồm hợp chất dựa trên toluene. Nó hòa tan trong Xylene, Toluene và hầu hết các chất thay thế xylene. - Tính chất vật lý: chất lỏng không màu, mùi điển hình, Mật độ, g/cm3: 0,941 - Thành phần gồm có: Toluene: 50-75%, Acrylic copolymer: 25-50%, Butylated hydroxytoluene: 1-2.5%. - ISO 13485 - Qui cách: 118ml/lọ	Chai	10
444	Lam kính (đầu mài)	Nguyên vật liệu: Kính soda vôi đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") ± 1mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	750
445	Lamên 22 x 22mm	Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt (borosilicate), có đặc tính quang học lý tưởng, ổn định, cấu trúc phân tử, độ phẳng đồng nhất và kích thước đồng nhất. Ứng dụng được đề xuất: dùng trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Kích thước (22x22) mm, độ dày #1.0: 0.13-0.16mm - Đóng gói hộp 1000 cái	Hộp	80
446	Lamên 24 x 32mm	Hộp 100 cái. Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt (borosilicate), có đặc tính quang học lý tưởng, ổn định, cấu trúc phân tử, độ phẳng đồng nhất và kích thước đồng nhất. Ứng dụng được đề xuất: dùng trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh - Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	150

447	Lamen 24 x 50mm	Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt (borosilicate), có đặc tính quang học lý tưởng. Ổn định, cấu trúc phân tử, độ phẳng đồng nhất và kích thước đồng nhất... Ứng dụng được đề xuất: dùng trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Kích thước (24x50) mm, độ dày #1.0: 0.13-0.16mm - Đóng gói hộp 1000 cái (gồm 10 hộp nhỏ 100 cái)	Hộp	50
448	Lốc có nắp - Cassette	Thiết kế một mảnh và chốt cài cho phép thao tác bằng một tay thuận tiện và giúp đóng lại nắp chắc chắn trong quá trình chế biến- Làm bằng vật liệu P.O.M (Poly Acetal), 100% chống lại phản ứng hóa học của dung môi mô học - Với các lỗ hình chữ nhật có kích thước 5,0mm x 1,0mm (loại lỗ to), kích thước 0,9mm x 0,9mm (loại lỗ nhỏ) - Với hai khu vực ghi nhãn lớn trên các mặt của băng cassette và một mặt ghi nghiêng phía trước - Bề mặt viết trước 45 °, có thể thích ứng với hầu hết các máy in cassette. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	10.000
449	Lưỡi dao cắt tiêu bản	Lưỡi dao cắt loại lowprofile, làm bằng thép không rỉ, kích thước 80x8x0.25mm, góc nghiêng 35 độ, Cắt được tất cả các loại mô (mô cứng, mô mềm, cắt lạnh, cắt mỏng), được sử dụng hàng ngày với độ sắc lưỡi dao ổn định. - Sử dụng được cho tất cả các loại máy cắt tiêu bản. - Tiêu chuẩn ISO 13485 - Hộp ≥ 50 cái	Hộp	25
450	Mask bóp bóng ampu các cỡ	Có các cỡ từ 0-5. Có vòng nhiều màu sắc để phân biệt các kích cỡ. Phần đệm ôm sát mặt có van 1 chiều điều chỉnh được. Đạt TC ISO 13485:2016, TC EC	Cuộn	150
451	Mask khí dung	Nắp dây để vắn và dung tích bình 6cc/8cc. Thiết kế chống tràn ngăn làm mất thuốc ở bất cứ vị trí nào. Luồng khí giữ nguyên vị trí trừ khi có ý định di chuyển. Ông dây lumen sáng có thể đảm bảo dòng chảy oxy thậm chí khi ống dây bị xoắn, có nhiều loại chiều dài lựa chọn. Sản phẩm màu xanh lá trong suốt hoặc màu trắng trong suốt	Cái	1.400
452	Mask thở oxy	Ông dây lumen sáng có thể đảm bảo dòng chảy oxy thậm chí khi ống dây bị xoắn, có nhiều loại chiều dài lựa chọn. Xoáy vòng để đảm bảo độ vừa vặn với cái đệm. Nhựa PVC mềm, trong giúp cho bệnh nhân thoải mái và tiếp cận được hình ảnh. Sản phẩm màu xanh lá trong suốt hoặc màu trắng trong suốt.	Cái	2.000
453	Methanol tuyệt đối	Độ tinh khiết (GC) ≥ 99,8 % Chai 1 lít	Lít	1.000
454	Miếng dán điện xung	Kích thước 4x6 cm, sử dụng nhiều lần	Cái	300
455	Mũi khoan cắt xương dùng cho tay nhanh	Vật liệu thép không gỉ	Cái	50

456	Ống chống đông chân không EDTA K3	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%, Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông EDTA K3 dưới dạng hạt sương. Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu tím, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định.	Ống	220.000
457	Ống đựng nước tiểu có nắp	Chất liệu nhựa PS, kích thước 16 x 100mm, dung tích 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Ống	80.000
458	Ống ly tâm Eppendof 1.5ml	Ống Eppendof 1.5ml liền nắp đạt độ kín cao, nguyên liệu nhựa PP, trong suốt, có chia vạch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	7.000
459	Ống nghiệm citrate 3,8%	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dày kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt trong của ống. Nắp màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định và Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút, Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.	Cái	40.000
460	Ống nghiệm Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dày kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đen, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định.	Ống	480.000
461	Ống nghiệm serum	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dày kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt trong của ống, dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đỏ. Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định	Cái	7.000
462	Ống nghiệm thủy tinh 75 x 9,5 mm	Chất liệu: Thủy tinh trung tính Kích thước: đường kính: 12mm chiều dài ống: 80mm đóng gói: 250 cái/ hộp	Cái	5.000
463	Ống PCR 0.2ml	Ống làm bằng nhựa PP, có nắp dày liền thân - Không chia vạch - Quy cách: túi 1000 chiếc	Túi	5

464	Phin đo chức năng hô hấp	Được làm từ Polymer y tế, với đầu nối tiêu chuẩn. Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene tinh điện chất lượng cao, là vật liệu kỵ nước, không tốt cho sự phát triển của nấm, vi khuẩn và virus.. Đường kính trong và đường kính ngoài đầu cắm vào máy, đường kính ngoài ống ngậm cho bệnh nhân tương thích với từng loại máy khác nhau. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Cái	2.000
465	Phin lọc máy thở	Hiệu quả lọc vi khuẩn, lọc vi rút 99,99999% • Kết hợp với màng lọc vi khuẩn chống nước: • Vô hình tròn • Vô trùng • Nắp đậy cửa lấy mẫu dính liền theo chuẩn. Đầu nối chuẩn ISO • Thể tích thủy triều (ml): 150-1500, khoảng tính (ml): 33, Sức cản dòng chảy: 30 L / phút 5 mm H2O 60 L / phút 14 mm H2O. 90 L / phút 27.6 mm H2O Trọng lượng: 21 gam Kết nối phù hợp: 22 mmID -15/22 mmMF. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	2.200
466	Que lấy bệnh phẩm	Dùng để lấy mẫu bệnh phẩm. Đóng gói Hộp 100 cái	Cái	3.000
467	Sáp Parafin để cố định mẫu	Được thiết kế để dễ cài thiện khả năng nhưng và thấm thấu vào các phần mô và được cung cấp trong túi có khóa zip tiện lợi. - Thành phần gồm có hợp chất của parafin tinh khiết và polymers. • Không có dimethyl sulfoxide (DMSO) • Mang lại khả năng cắt mịn, giảm thiểu đứt đoạn hay nhân lát cắt tế bào. • Độ dày lát cắt giảm xuống còn 2 µm • Hình dạng viên ngọc trai tiện lợi. • Phạm vi cung cấp: Nhiệt độ nóng chảy đa dạng từ 52 °C đến 62 °C cho bạn lựa chọn. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Kg	50
468	Tấm bông vô trùng lấy bệnh phẩm	Chiều liệu ống, nắp, que bằng nhựa, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.	Que	6.000
469	Tấm điện cực trung tính trẻ em	Tấm điện cực trung tính cho trẻ nhỏ sử dụng một lần, chất liệu PolyHesive, dây nối dài 2.7m, sử dụng cho trẻ em từ 2,72 - 13,6kg	Miếng	60
470	Xylen	Chai 500ml. Không màu, trong suốt	Lít	450

471	TPHA	<p>Một xét nghiệm nhanh để chẩn đoán bệnh giang mai để phát hiện kháng thể (IgG và IgM) đối với Treponema Pallidum (TP) định tính trong máu toàn phần. Huyết thanh hoặc huyết tương.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Dòng đối chứng: IgG chống chuột của dê IgG của chuột.</p> <p>Vạch thử nghiệm: TP-kháng nguyên-1</p> <p>TP-kháng nguyên-2</p> <p>Dòng đối chứng: Streptavidin liên hợp</p> <p>Độ nhạy tương đối: $\geq 99.9\%$ (95%CI*: 97.7%~100.0%);</p> <p>Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 99.7\%$ (95%CI*: 98.2%~100.0%);</p> <p>Độ chính xác: $\geq 99.8\%$ (95%CI*: 98.2%~100.0%)</p> <p>Phản ứng chéo</p> <p>Bảng thử nghiệm nhanh giang mai (Máu toàn phần / Huyết thanh / Huyết tương) đã được thử nghiệm bởi HAMA, Các mẫu dương tính RF, HBsAg, HBsAb, HBeAg, HBeAb, HBcAb, HCV, HIV, H. Pylori, MONO, CMV, Rubella và TOXO. Kết quả cho thấy không có phản ứng chéo</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Test	2.600
472	BỘ xét nghiệm định lượng Hepatitis B Virus (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR	<p>Bộ ≥ 96 test.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn mẫu: huyết tương. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: 7 IU/ml, độ đặc hiệu: 100%; + Khoảng tuyến tính: $7 - 10^8$ IU/ml - Nhiệt độ bảo quản/vận chuyển: 2-8 °C; + Nhiệt độ bảo quản/ vận chuyển: 2-8 °C; - Thành phần cung cấp: + Bộ kit: 96 ống (0,2ml) thuốc thử RT-PCR (đóng khô), chứng nội IC, chứng dương nồng độ cao và thấp, standard (mẫu chuẩn) CAL1 và CAL2, chứng âm 	Hộp	10
473	BỘ xét nghiệm chỉ định cho quy trình ly trích và tinh sạch DNA/RNA virus trên hệ thống máy tách chiết tự động	<p>Bộ ≥ 48 test.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn mẫu: huyết tương, huyết thanh, và các loại dịch cơ thể khác. - Tính năng kỹ thuật: có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Bộ bao gồm: + Reagent cartridge, 48 pcs (6x8), Filtered tip, Tip holder, Sample tube (2 ml), Elute tube (1,5 ml) 	Hộp	20
474	Curet lấy rầy tai	Cây lấy rầy tai (Curet 2 đầu)	Cái	10
475	Bao cao su	Sản phẩm được làm từ chất liệu mù latex (mủ cao su) tự nhiên, có chiều dài: ≥ 17 cm, chiều rộng: 49mm-52mm, Độ dày của sản phẩm: 0.04-0.065mm. Hàm lượng chất bôi trơn 500 ± 150 mg. Bao cao su được đóng gói trong từng màng nhôm riêng lẻ.	Cái	6.000

476	Bộ bơm tiêm 200ml dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng	Bơm tiêm sử dụng cho máy CT gồm: - 1 chiếc: Ống tiêm 200ml - 1 chiếc : Ống nối áp lực dạng cuộn 150cm - 1 chiếc: Ống lấy thuốc nhanh chữ J Tuyệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	400
477	Bộ bơm tiêm 200ml dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng	Bơm tiêm 200/200ml cho máy bơm tiêm thuốc cân quang dùng trong chụp CT	Bộ	350
478	Bơm hút thai 1 van	Loại bơm hút chân không bằng tay dùng để hút thai, điều hòa kính nguyệt và sinh thiết nội mạc tử cung - Thể tích ống bơm 60cc	Cái	20
479	Bóp bóng giúp thở (Ambu)	Chất liệu: nhựa dùng trong y tế. Bao gồm: Bóp bóng, mặt nạ, dây dẫn oxy; dùng cho người lớn	Cái	70
480	Dầu Parafin 5ml	Có tính chất bôi trơn được dùng trong y tế; đóng trong ống hàn kín, vỏ khuôn. Đóng gói ≥ 5 ml/ống. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	1.600
481	Dây garo có đinh	Chất liệu bằng cao su co giãn, có thiết kế đinh hoặc khoa khóa 2 đầu	Cái	1.100
482	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn dùng trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thụt rửa âm đạo, nội soi đại tràng, trực tràng. Tube: 82g	Tube	700
483	Gel siêu âm	Gel dùng trong siêu âm chẩn đoán y khoa. Can ≥ 5 kg	Can	250
484	Giấy điện tim 6 cân	Kích thước: 110mm x 140mm, chất liệu bằng giấy in nhiệt, tương thích với máy điện tim 6 cân hãng Nihon Koden, Fukuda - Dạng tập, có dòng kẻ. Có bao bì bảo vệ. Quy cách: 60 tập/thùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, CE	Tập	3.000
485	Giấy in ảnh siêu âm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony - Dung lượng: 215 bản in cho mỗi cuộn. - Kích thước 110 mm x 220 m Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cuộn	2.000
486	Giấy in ảnh siêu âm màu	Hộp 2 cuộn. Kích thước mỗi cuộn: 15,2cm x 72m	Hộp	50
487	Giấy in monitor sản khoa	Kích thước: 150 mm x 100 mm x 150 sheets, dùng cho máy Monitor theo dõi sản khoa	Tập	250
488	Giấy in nhiệt 57mm	Kích thước: 57 mm x 30 mm, dùng cho máy in nhiệt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cuộn	250
489	Kẹp rón sơ sinh	Sản xuất từ chất liệu nhựa nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.500
490	Khẩu trang giấy	Khẩu trang 3 lớp kháng khuẩn. Dùng 1 lần.	Cái	70.000
491	Mô vịt nhựa	Thành phần cấu tạo: - Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP. - Độ cứng cao, trơn, nhẵn không gây tổn thương niêm mạc. - Sản phẩm được tiệt trùng từng cái	Cái	4.500
492	Móc lấy dị vật tai	Dài khoảng 8.5cm làm bằng thép không gỉ có thể hấp sấy được	Cái	10

493	Nhiệt kế thủy ngân kẹp nách	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân • Nhiệt độ đo được trong khoảng 35-42°C	Cái	420
494	Nước cất 2 lần (vô khuẩn)	Nước được trung sệt 2 lần; đã tiệt trùng. Đóng can 1-5 lít	Lít	2.200
495	Sáp parafin	Chất rắn dạng sậy màu trắng, không mùi, không vị.	Kg	50
496	Tấm trải nylon vô trùng	Thành phần: Tẩm:nylon. Kích thước 100cm x 130cm	Cái	1.000
497	Vôi soda	Thành phần chính Ca(OH)2. NaOH, hạt màu trắng, sáng hoặc hồng nhạt.	Can	35
498	Vòng đeo tay mẹ và bé	Chất liệu PVC. Có các màu: xanh, hồng. Có chỗ ghi thông tin bệnh nhân. Có đục lỗ (12,14,16). Có các cỡ 16in, 10in, 11in, 12in. Có loại dùng cho trẻ sơ sinh, người lớn hoặc mẹ và con. Đóng gói 100 cái/hộp hoặc 50 cặp/hộp. Đạt TC ISO 13485:2016, EC.	Cặp	3.500
XX	Các loại vật tư y tế thay thế sử dụng trong một số thiết bị chẩn đoán, điều trị			
499	Acid Acetic 3%	Dung dịch Acid Acetic 3%. Chai ≥ 500ml	Chai	4
500	Acid Formic đậm đặc	Dung dịch đậm đặc. Chai ≥ 500ml	Lít	2
501	Acid HCl đậm đặc	Dung dịch đậm đặc. Chai ≥ 500ml	Chai	6
502	Acid Nitric đậm đặc	Dung dịch đậm đặc. Chai ≥ 500ml	Lít	2
503	Acid Sunfuric đậm đặc	Dung dịch đậm đặc. Chai ≥ 500ml	Lít	5
504	Adeno virus (Hô hấp) test nhanh	Phát hiện chủng virus Adeno trong mẫu dịch mũi họng, mẫu phân người - Độ nhạy: 95.2%; Độ đặc hiệu: 96% - Thành phần: Cộg hợp vàng - kháng thể chuột kháng IgG virus Adeno; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng virus Adeno; Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cộg hợp; Đệm màu; Đệm hấp thụ.	Test	200
505	Balon oxy	Chất liệu cao su tự nhiên, dung tích 42 lít.	Hộp	7
506	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Kích thước 4x10cm, đầu lông mềm. Đóng gói 1 cái/hộp. Đạt TC ISO 13485:2016, EC.	Cái	180
507	Bát kền	Chất liệu Inox	Cái	5
508	Bình làm ấm	Thân bình bằng polyethylene, dung tích 200ml.Nắp bình bằng polycarbonate rất bền.Kích thước ren: 9/6", x 18N	Cái	30
509	Bộ khí dung dùng cho máy thở (ống chữ T)	Gồm: + 01 Co chữ T 22V+15F nối với ống nkq hoặc mask thanh quản + 01 Van chia sẵn 40% nồng độ oxy co 6mm - để xuất dòng khí oxy là mức 10 lít/phút+ 01 Ống nối cố định 22F + Flow 3l/phút đạt gần 65% lượng oxy và 6l/phút đạt 75% lượng oxy + Chất liệu: LDPE, PP + Trọng lượng: 25g + Chiều dài: 256mm + Dùng khi chuyển bệnh hoặc dành cho bệnh nhân cai máy thở khi còn ống nkq	Cái	2

510	Bộ nhuộm Wright-Giemsa Stain (A)	Dung dịch nhuộm tế bào trong máu và trong tủy sử dụng cho máy kéo nhuộm lam tự động. Thành phần: Wright-giemsa stain Can 5 lít	Can	5
511	Bộ nhuộm Wright-Giemsa Stain (B)	Dung dịch nhuộm tế bào trong máu và trong tủy sử dụng cho máy kéo nhuộm lam tự động. Thành phần: Phosphate buffer (pH 6.8). Can 5 lít	Can	5
512	Bóng đèn cực tím các cỡ	Đài 60cm-90cm-120cm- điện 220v	Cái	170
513	Bóng đèn hồng ngoại	220-240V, 250W	Cái	20
514	Chi Peclon	Sợi chi bện không tiêu đóng 1 cuộn dài 97m. Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chi thị hóa học. Kích thước: 1,5cm x 20cm Vạch chi thị sẽ chuyển màu từ trắng qua đen sau khi qua trình xử lý diệt trùng hơi nước. Sử dụng với nhiệt độ hấp 121°C hoặc 134°C. Tuần thủ ISO 11140/Type 4 Đáp ứng tiêu chuẩn: FDA,CE, ISO13485:2016	Cuộn	40
515	Chi thị hóa học dùng cho máy diệt khuẩn dụng cụ y tế	Màu ban đầu Tím Màu sau chu trình diệt trùng Xanh lá Điều kiện diệt trùng 6 phút, 50 °C, 2.3 mg/l H2O2 Test dang que kích thước 105 mm x 18 mm	Que	20.000
516	Chi thị hóa học thanh	Màu sau chu trình diệt trùng Xanh lá Điều kiện diệt trùng 6 phút, 50 °C, 2.3 mg/l H2O2 Test dang que kích thước 105 mm x 18 mm	Hộp	15
517	Chi thị thử lò hấp	Gói test thử lò hấp kiểm tra thiết bị đầu ngày cho máy diệt khuẩn hơi nước có chi thị chuyển màu.	Tets	300
518	Chổi rửa dài dây nội soi olympus	Sử dụng nhiều lần. Đầu chổi tròn phù hợp với đường kính kênh 2,0-4,2mm cho dây nội soi Olympus	Cái	10
519	Chổi rửa dụng cụ các cỡ (11 - 15 -25 mm)	Chổi rửa dụng cụ, đường kính 11mm , dài 35cm	Cái	30
520	Chổi rửa ngắn dây nội soi olympus	Sử dụng nhiều lần. Dùng cho kênh mở phù hợp với tất cả các đường kính kênh dây nội soi Olympus	Cái	10
521	Cốc đựng bóng còn	Chất liệu inox, Fi 8	Cái	80
522	Dầu bôi trơn, đánh bóng dụng cụ y tế	Xit bảo vệ, làm sáng bóng dụng cụ có bề mặt kim loại, đặc biệt các dụng cụ có bản lề, dụng cụ phẫu thuật - Thành phần: Pparaffinum liquidum dùng trong thực phẩm và dược phẩm, chất hoạt động bề mặt không ion, khí propan /butan hóa lỏng - Tỷ trọng giá trị: 0,86 g/cm3, nhiệt độ 20oC	Chai	6
523	Dung dịch đánh tan gỉ dụng cụ y tế	Dung dịch đánh tan gỉ sắt, sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa siêu âm - Thành phần: < 5% chất hoạt động bề mặt không ion, > 30% phosphates - pH: 1.8-0.9 (nước khử khoáng, 20 °C, dung dịch 1-10%) - Độ nhớt: < 50 mPa s ((trong dung dịch đậm đặc, 20 °C)	Chai	5

524	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dùng cho máy Nocospay	Dung dịch khử khuẩn, Hoạt chất: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). Hiệu quả diệt khuẩn Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697 Mycobacterium: EN 14348 Virus: EN 14476 Bảo tử: EN 13704	Chai	100
525	Dung dịch Lugol 1%	Dung dịch 1%	Lít	5
526	Giấy sát khuẩn lau bề mặt trong y tế (Cavi Wipes)	Khăn lau khử khuẩn và làm sạch bề mặt	Hộp	30
527	Hóa chất H2O2 cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma	Thành phần: Chứa hydrogen 50%, dạng lỏng, tương thích với máy tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma Tuttnauer. Lọ ≥ 150ml	Lọ	80
528	Hộp bông	Chất liệu Inox	Cái	20
529	Hộp hấp bông	Hộp hấp tròn inox Ø(20-30)cm	Cái	35
530	Hộp inox chữ nhật	Chất liệu Inox	Cái	90
531	Keo dán mô	Keo dán da, dán Mesh nội soi	Ống	20
532	Kẹp cổ tử cung	Kẹp cổ tử cung, kích thước khoảng ≥ 25cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Cái	25
533	Kẹp khâu cong loại đầu nhỏ	Simaeco- Pakistan	Cái	5
534	Kẹp khâu thẳng loại đầu nhỏ	Simaeco- Pakistan	Cái	5
535	Kẹp Phẫu tích	Được làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có máu hoặc không máu kích thước 16-18cm	Cái	60
536	Khay inox	Kích thước: Dài 32cm ± 0,2 cm, rộng 22cm ± 0,2 cm, cao 2cm ± 0,2 cm. Chất liệu inox	Cái	120
537	Mặt nạ phòng độc	Mặt nạ dùng để bảo vệ hô hấp cho người lao động khỏi các nhân gây hại trong môi trường làm việc - Mặt nạ có khả năng chống hơi hoá chất, khí axit, khí halogen... - Vỏ ngoài bằng Silicone, trọng lượng nhẹ - Cấu tạo từ chất liệu không gây dị ứng. - Phần thoát hơi hướng xuống, không gây động sương. - Mặt nạ kèm với bộ kiểm tra độ khít gấn sẵn, đảm bảo hiệu suất lọc cao. - Mặt nạ có thể kết hợp với nhiều phin lọc khác nhau và có thể dùng kèm với tấm lọc bụi. - Dây đeo qua đầu loại RB - Có thể thay thế van hít, van thở, miếng hút ẩm	Cái	18
538	Móc móng mắt		Cái	40
539	Nẹp Crame 40cm	Nẹp Crame 40cm	Cái	200
540	Nẹp Crame 70cm	Nẹp Crame 70cm	Cái	200
541	Nẹp gỗ chấn thương các cỡ	Nẹp gỗ chiều dài 120x 8cm. Độ dày 1cm. Nẹp thẳng và chữ L	Cái	1.200
542	Ngáng miệng 1 lần	Chèn lưới nhựa các số	Cái	100
543	Ống cầm Pank	Cao 13cm, đường kính 5cm làm bằng inox 304	Cái	55
544	Ống nghe	Trọng lượng: khoảng 110g. Tai nghe làm bằng nhôm, ống chữ Y; không gây đau tai. Màng tiếp xúc với bệnh nhân tốt thu được tín hiệu rõ	Cái	70

545	Ông thổi cho máy đo chức năng hô hấp	Sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp. Dài 6,3cm, Ø ngoài 60mm	Cái	6.000
546	Pank các loại	Pank thẳng có mẫu hoặc không mẫu: độ dài 16-18cm	Cái	360
547	Pank gấp sợi nội soi	Loại dẻo, hàm hoạt động đôi, cỡ 5.0 Fr, dài 60cm	Cái	5
548	Peracetic acid 0,33%	Dùng dịch khử khuẩn sử dụng trong rửa thủ công (trong bồn rửa hoặc máy rửa siêu âm) các dụng cụ y tế, kể cả dụng cụ nội soi - Thành phần: <5% phosphates, chất hoạt động bề mặt không ion, >30% chất tẩy trắng gốc oxy - Hóa chất trước khi pha dạng bột; sau khi pha, dung dịch 1% (10g/lít) chứa 0.15% peracetic acid. - Độ pH: 7.6-7.9 (20g/l, phụ thuộc dung môi, 20độ C) Hộp ≥ 2kg	Hộp	250
549	Phenol bão hòa	Tinh khiết phân tích Chai ≥ 1 lít	Chai	2
550	Phim chụp răng	Phim chụp X quang kích thước (30.5mm x 40.5mm)±, có dính kèm túi thuốc rửa phim trên mỗi phim. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.500
551	Pin panasonic AAA	Pin cần dung lượng cao dùng cho máy Holter huyết áp. Vi 1 đôi	Đôi	100
552	Pin tiểu panasonic AA	Pin cần dung lượng cao dùng cho máy Holter huyết áp. Vi 1 đôi	Đôi	100
553	Quả bóp huyết áp	Dùng thay thế cho quả bóp hư trong bộ đo huyết áp cơ, bằng cao su	Quả	80
554	Chỉ thị sinh học	Ông chỉ thị sinh học dùng kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn sau khi hấp tiệt trùng bằng hơi nước có chứa bào tử kháng nhiệt Geobacillus Stearothermophilus. Thời gian ủ tối đa 24h với nhiệt độ ủ từ 55-60 độ C hoặc ủ trong máy ủ cho kết quả nhanh ≤ 3h. Dùng trong tiệt khuẩn hơi nước 121 độ C và 132.0C - 134 độ C. Đóng gói dạng ống kín có môi trường nuôi cấy, nắp ống được thiết kế để hơi nước được xuyên thấu vào bên trong ống. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA	Ông	1.200
555	Test sinh học dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp	Thay đổi màu sắc sau chu trình tiệt trùng Kích thước Ông (H x Ø) 45,2 x 8,5 mm, Nắp (H x Ø) 13,6 x 10,8 mm Tương thích với máy hấp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Plasma Tuttnauer	Ông	300
556	Que chỉ thị hóa học dùng cho máy plasma	Màu ban đầu Tím Màu sau chu trình tiệt trùng Xanh lá Điều kiện tiệt trùng 6 phút, 50 °C, 2.3 mg/l H2O2 Test đang que kích thước 105 mm x 18 mm	Hộp	15
557	Que thử xét nghiệm 11 thông số nước tiểu	Dùng cho các phân tích nước tiểu Mission. Có bước sóng 525 mm và 635 mm, có thể đọc bằng mắt. Độ đặc chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid (LEU/NIT/URO/PRO/pH/BLO/SG/KET/BIL/GLU/ASC). Dạng que. Hạn dùng: 24 tháng/ 3 tháng sau khi mở nắp hộp Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Test	70.000
558	Súng bắn sinh thiết tự động	Súng 220gram; Cơ chế lên cò cho phép sử dụng một tay, khóa an toàn tự kích hoạt khi lên cò; Điều chỉnh được độ dài xâm nhập 15mm hoặc 22mm. Tương thích sử dụng với Hệ thống sinh thiết MedGun.	Cái	5

559	Than hoạt tính	Than hoạt tính tinh khiết dạng loại bột. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Kg	3
560	Thanh Nuss các số	Thanh nâng ngực định hình biến dạng lồng ngực, dùng trong điều trị dị tật lõm ngực - Chất liệu bằng titanium - Thiết kế: 2 đầu bo tròn, nhỏ thon, có lỗ và khác ở 2 đầu, các khác ở 2 đầu được bo tròn, không răng cưa. - Kích thước: * Loại ngang 10mm dành cho trẻ nhỏ dài 20cm -> 26cm, * Loại ngang 13mm dành cho người lớn dài 28cm -> 40cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	40
561	Thìa nạo chấp	Chiều dài \geq 23 cm, chất liệu thép không rỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	4
562	Túi nylon vô khuẩn bọc C.arm	Túi chụp bóng đèn 60 x 90cm, vô trùng	Cái	1.800
563	Van đặt âm đạo chữ L	Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: 23cm Lưỡi khám hình lồng máng kích thước 38x80mm, chùy cầm bo tròn có mấu cố định - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015, CE 1 cái/túi.	Cái	25
564	Vòng tay định dạng bệnh nhân (dùng máy in)	Chất liệu: vật liệu nhiệt tổng hợp Kiểu in: in trực tiếp Màu sắc: hồng hoặc xanh 100 vòng/cuộn. Sử dụng được với máy in vòng đeo tay viện đang dùng	Cuộn	400

Tên công ty báo giá:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi :{ Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan :

ST T	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Cấu hình kĩ thuật báo giá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)	Mã kê khai
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên

quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên liên danh cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

